

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Thịnh, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 5 năm 1969
Số bằng: HB 145 bm Quyết định số: 481/TTga ngày 6 tháng 11 năm 1973

1282 Liệt sĩ: **QUÁCH VĂN TOÀN**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 8 năm 1972
Số bằng: LK 720 bm Quyết định số: 353/TTga ngày 5 tháng 7 năm 1974

1283 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH THÀNH**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 17 tháng 9 năm 1977
Số bằng: 8B 311 bt Quyết định số: 256/TTga ngày 13 tháng 4 năm 1979

1284 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN GIỒNG**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kiên Thọ, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 11 năm 1968
Số bằng: MG 085 bm Quyết định số: 69/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1970

1285 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN CHIÊU**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kiên Thọ, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 3 năm 1967
Số bằng: HP 551 bm Quyết định số: 109/TTga ngày 16 tháng 3 năm 1974

1286 Liệt sĩ: **BÙI VĂN HUÊ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kiên Thọ, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 1 năm 1965
Số bằng: HZ 210 bm Quyết định số: 91/TTga ngày 6 tháng 1 năm 1965

1287 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LỘC**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kiên Thọ, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 1 năm 1971
Số bằng: HI 633 bm Quyết định số: 02/TTga ngày 3 tháng 1 năm 1974

1288 Liệt sĩ: **BÙI VĂN THƠN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kiên Thọ, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 5 năm 1967
Số bằng: MĐ 778 bm Quyết định số: 109/TTga ngày 7 tháng 5 năm 1970

1289 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÓN**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kiên Thọ, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 11 năm 1969
Số bằng: PZ 614 bm Quyết định số: 424/TTga ngày 21 tháng 10 năm 1975

1290 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN LOAN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kiên Thọ, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 19 tháng 8 năm 1985
Số bằng: BK 747 bt Quyết định số: 108/CTKT ngày 6 tháng 1 năm 1987

- 1291 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN CHUNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kiên Thọ, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 8 năm 1968
Số bằng: BG 007 bm Quyết định số: 270/TTga ngày 18 tháng 11 năm 1971
- 1292 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN ẨM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kiên Thọ, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 7 năm 1972
Số bằng: GĐ 002 bm Quyết định số: 261/TTga ngày 23 tháng 6 năm 1973
- 1293 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN ĐẶC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kiên Thọ, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 3 năm 1969
Số bằng: AQ 986 bm Quyết định số: 132/TTga ngày 3 tháng 6 năm 1971
- 1294 Liệt sĩ: **BÙI HẠNH PHÚC**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kiên Thọ, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 8 tháng 4 năm 1978
Số bằng: 7L 249 bt Quyết định số: 1505/TTga ngày 29 tháng 12 năm 1978
- 1295 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN XUYẾN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kiên Thọ, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 2 năm 1968
Số bằng: NK 813 bm Quyết định số: 382/TTga ngày 22 tháng 7 năm 1974
- 1296 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC LAN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kiên Thọ, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 2 năm 1975
Số bằng: QO 174 bm Quyết định số: 69/TTga ngày 27 tháng 2 năm 1976
- 1297 Liệt sĩ: **BÙI VĂN THỊNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kiên Thọ, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 6 năm 1969
Số bằng: EQ 182 bm Quyết định số: 154/TTga ngày 19 tháng 4 năm 1973
- 1298 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN PHÚ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kiên Thọ, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 3 năm 1964
Số bằng: GZ 821 bm Quyết định số: 110/TTga ngày 8 tháng 4 năm 1964
- 1299 Liệt sĩ: **QUÁCH VĂN NGỌC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kiên Thọ, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 5 năm 1972
Số bằng: HP 525 bm Quyết định số: 109/TTga ngày 16 tháng 3 năm 1974
- 1300 Liệt sĩ: **VI VĂN THỎ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kiên Thọ, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 22 tháng 1 năm 1978
Số bằng: 6N 635 bt Quyết định số: 1011/TTga ngày 6 tháng 9 năm 1978

- 1301 Liệt sĩ: **HÀ CÔNG LƯỢNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kiên Thọ, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 12 năm 1974
Số bằng: PS 847 bm Quyết định số: 377/TTga ngày 23 tháng 9 năm 1975
- 1302 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN HẠNH**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Ngọc, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 8 năm 1967
Số bằng: UL 634 bm Quyết định số: 226/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977
- 1303 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN HỢI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Ngọc, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 5 năm 1968
Số bằng: MG 130 bm Quyết định số: 69/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1970
- 1304 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN BẾT**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Ngọc, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 6 năm 1969
Số bằng: EQ 140 bm Quyết định số: 154/TTga ngày 19 tháng 4 năm 1973
- 1305 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN CẤP**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Ngọc, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 22 tháng 2 năm 1979
Số bằng: 8X 515 bt Quyết định số: 744/TTga ngày 27 tháng 10 năm 1979
- 1306 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN CẤP**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuý Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 1 năm 1965
Số bằng: HZ 212 bm Quyết định số: 91/TTga ngày 6 tháng 1 năm 1965
- 1307 Liệt sĩ: **PHẠM XUÂN ĐẠT**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Ngọc, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 2 năm 1968
Số bằng: RH 573 bm Quyết định số: 267/TTga ngày 25 tháng 6 năm 1976
- 1308 Liệt sĩ: **PHẠM THANH VÂN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Ngọc, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 28 tháng 11 năm 1980
Số bằng: A 132 bt Quyết định số: 252/CTKT ngày 8 tháng 9 năm 1982
- 1309 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NHẬT**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuý Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1971
Số bằng: QR 737 bm Quyết định số: 100/TTga ngày 25 tháng 3 năm 1976
- 1310 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NHẬT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuý Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 7 năm 1972

Số bằng: HT 418 bm Quyết định số: 453/TTga ngày 20 tháng 10 năm 1973

1311 Liệt sĩ: **PHẠM NGỌC QUÝ**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Ngọc, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 6 năm 1968

Số bằng: MĐ 815 bm Quyết định số: 109/TTga ngày 7 tháng 5 năm 1970

1312 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THƯƠNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Ngọc, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 1 năm 1968

Số bằng: MG 149 bm Quyết định số: 69/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1970

1313 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THƯƠNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuý Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 2 năm 1971

Số bằng: CĐ 600 bm Quyết định số: 189/TTga ngày 20 tháng 5 năm 1972

1314 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN ĐIỀN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Ngọc, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 3 năm 1971

Số bằng: PS 712 bm Quyết định số: 388/TTga ngày 27 tháng 9 năm 1975

1315 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN VIÊN**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Ngọc, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 4 năm 1968

Số bằng: YE 136 bm Quyết định số: 356/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

1316 Liệt sĩ: **LÊ VĂN RỤ**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Ngọc, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 7 năm 1966

Số bằng: AV 573 bm Quyết định số: 264/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1971

1317 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NÁP**

Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Ngọc, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 12 năm 1968

Số bằng: MG 140 bm Quyết định số: 69/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1970

1318 Liệt sĩ: **LÊ VĂN QUÝ**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Ngọc, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 6 năm 1971

Số bằng: NB 516 bm Quyết định số: 311/TTga ngày 18 tháng 6 năm 1974

1319 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN NHÂN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Ngọc, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 6 năm 1969

Số bằng: EQ 217 bm Quyết định số: 154/TTga ngày 19 tháng 4 năm 1973

1320 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN COI**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuý Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh

Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 3 năm 1968
Số bằng: RH 224 bm Quyết định số: 261/TTga ngày 23 tháng 6 năm 1976

- 1321 Liệt sĩ: **LÊ QUANG TRIỆU**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuý Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 6 năm 1969
Số bằng: NO 766 bm Quyết định số: 398/TTga ngày 2 tháng 8 năm 1974
- 1322 Liệt sĩ: **PHẠM NGỌC SINH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuý Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 5 năm 1968
Số bằng: EP 784 bm Quyết định số: 188/TTga ngày 19 tháng 5 năm 1973
- 1323 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN YÊN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuý Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 10 năm 1973
Số bằng: VL 741 bm Quyết định số: 354 TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977
- 1324 Liệt sĩ: **PHẠM ĐÌNH VĂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuý Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 3 năm 1968
Số bằng: MG 117 bm Quyết định số: 69/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1970
- 1325 Liệt sĩ: **LÊ PHÚC ĐOẠT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuý Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 3 năm 1966
Số bằng: AM 236 bm Quyết định số: 39/TTga ngày 21 tháng 2 năm 1967
- 1326 Liệt sĩ: **PHẠM HỒNG SƠN**
Trung úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuý Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 9 năm 1972
Số bằng: LE 120 bm Quyết định số: 212/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1974
- 1327 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TÍCH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuý Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 1 năm 1971
Số bằng: CĐ 630 bm Quyết định số: 189/TTga ngày 20 tháng 5 năm 1972
- 1328 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN KIỂM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuý Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 7 năm 1975
Số bằng: UQ 171 bm Quyết định số: 223/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977
- 1329 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN QUẾ**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuý Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 4 năm 1975
Số bằng: YE 213 bm Quyết định số: 406/TTga ngày 9 tháng 5 năm 1977
- 1330 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN BẰNG**

- Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuý Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 6 năm 1969
Số bằng: AS 657 bm Quyết định số: 208/TTga ngày 20 tháng 8 năm 1971
- 1331 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN HUÊ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuý Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 2 năm 1968
Số bằng: AV 612 bm Quyết định số: 264/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1971
- 1332 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN MÁI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thuý Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 10 năm 1968
Số bằng: SM 144 bm Quyết định số: 194/TTga ngày 14 tháng 11 năm 1969
- 1333 Liệt sĩ: **VŨ ĐỨC XUYỀN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Trung, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 5 năm 1972
Số bằng: KS 836 bm Quyết định số: 168/TTga ngày 16 tháng 4 năm 1974
- 1334 Liệt sĩ: **TRỊNH QUANG THẢO**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Khánh, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 12 năm 1970
Số bằng: KS 888 bm Quyết định số: 168/TTga ngày 16 tháng 4 năm 1974
- 1335 Liệt sĩ: **BÙI MẠNH HÀ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Kiến Trung, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 14 tháng 9 năm 1978
Số bằng: 8B 092 bt Quyết định số: 246/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1979
- 1336 Liệt sĩ: **TRỊNH BÁ CƯƠNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Trường, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 5 năm 1974
Số bằng: PS 672 bm Quyết định số: 388/TTga ngày 27 tháng 9 năm 1975
- 1337 Liệt sĩ: **HÀ VĂN QUẢNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 3 năm 1971
Số bằng: EQ 148 bm Quyết định số: 154/TTga ngày 19 tháng 4 năm 1973
- 1338 Liệt sĩ: **TRỊNH ĐÌNH MIÊNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 10 năm 1966
Số bằng: YV 117 bm Quyết định số: 521/TTga ngày 3 tháng 6 năm 1977
- 1339 Liệt sĩ: **BÙI NGỌC LÂM**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Mỹ Tân, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 9M 810 bm Quyết định số: 200/TTga ngày 19 tháng 3 năm 1980

- 1340 **Liệt sĩ: LƯƠNG BÁ THẮNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Giang, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 2 năm 1971
Số bằng: 7L 330 bm Quyết định số: 1473/TTga ngày 25 tháng 12 năm 1978
- 1341 **Liệt sĩ: DOÃN VĂN NHÃ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 13 tháng 1 năm 1979
Số bằng: 9N 146 bt Quyết định số: 249/TTga ngày 7 tháng 4 năm 1980
- 1342 **Liệt sĩ: CAO NGỌC THANH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 9 năm 1965
Số bằng: HZ 970 bm Quyết định số: 85/TTga ngày 4 tháng 7 năm 1966
- 1343 **Liệt sĩ: PHẠM HÙNG MẠNH**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 18 tháng 11 năm 1983
Số bằng: AO 855 bt Quyết định số: 113/CTKT ngày 27 tháng 3 năm 1984
- 1344 **Liệt sĩ: PHẠM VĂN LIÊN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 4 năm 1970
Số bằng: VT 816 bm Quyết định số: 351/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977
- 1345 **Liệt sĩ: LÊ VĂN THI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 11 năm 1967
Số bằng: AV 847 bm Quyết định số: 271/TTga ngày 18 tháng 11 năm 1971
- 1346 **Liệt sĩ: NGUYỄN NGỌC NHI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 4 năm 1972
Số bằng: NB 587 bm Quyết định số: 311/TTga ngày 18 tháng 6 năm 1974
- 1347 **Liệt sĩ: HÀ VĂN HẠNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 2 tháng 1 năm 1979
Số bằng: 9M 937 bt Quyết định số: 208/TTga ngày 19 tháng 3 năm 1980
- 1348 **Liệt sĩ: BÙI VĂN BIÊN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 7 năm 1968
Số bằng: MG 112 bm Quyết định số: 69/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1970
- 1349 **Liệt sĩ: LÊ VĂN ĐIỆN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 11 năm 1973
Số bằng: VL 729 bm Quyết định số: 354/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

- 1350 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN VINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 2 năm 1969
Số bằng: AS 604 bm Quyết định số: 208/TTga ngày 20 tháng 8 năm 1971
- 1351 Liệt sĩ: **PHẠM QUỐC HUY**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 4 năm 1974
Số bằng: 2Đ 919 bm Quyết định số: 1187/TTga ngày 12 tháng 10 năm 1977
- 1352 Liệt sĩ: **HÀ ĐÌNH VĂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phùng Giáo, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 5 tháng 2 năm 1979
Số bằng: 9Y 201 bt Quyết định số: 706/TTga ngày 12 tháng 11 năm 1980
- 1353 Liệt sĩ: **LÊ MINH HIỂU**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phùng Giáo, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 9 năm 1970
Số bằng: GĐ 548 bm Quyết định số: 325/TTga ngày 28 tháng 7 năm 1973
- 1354 Liệt sĩ: **LƯƠNG CÔNG THẮNG**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phùng Giáo, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 3 năm 1973
Số bằng: NL 358 bm Quyết định số: 365/TTga ngày 11 tháng 7 năm 1974
- 1355 Liệt sĩ: **HÀ CÔNG NGOAN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Lai, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 8 năm 1970
Số bằng: SN 554 bm Quyết định số: 521/TTga ngày 17 tháng 11 năm 1976
- 1356 Liệt sĩ: **HÀ VĂN BIÊN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phùng Giáo, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 29 tháng 11 năm 1987
Số bằng: CB 769 bt Quyết định số: 210/CTKT ngày 9 tháng 8 năm 1988
- 1357 Liệt sĩ: **LÊ VĂN LỆNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Am, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 2 năm 1973
Số bằng: HT 346 bm Quyết định số: 453/TTga ngày 20 tháng 10 năm 1973
- 1358 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HOA**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Am, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 7 năm 1968
Số bằng: QK 857 bm Quyết định số: 28/TTga ngày 29 tháng 1 năm 1976
- 1359 Liệt sĩ: **LÊ VĂN ĐÀO**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Am, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 7 năm 1967

Số bằng: 8I 082 bm Quyết định số: 368/TTga ngày 23 tháng 5 năm 1979

1360 Liệt sĩ: **LÊ VĂN KHANG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Am, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 3 năm 1968

Số bằng: IM 098 bm Quyết định số: 180/TTga ngày 1 tháng 10 năm 1968

1361 Liệt sĩ: **LÊ VĂN MINH**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Am, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 27 tháng 9 năm 1977

Số bằng: 9Y 112 bt Quyết định số: 706/TTga ngày 12 tháng 11 năm 1980

1362 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THÀNH**

Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Am, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 4 năm 1972

Số bằng: NV 126 bm Quyết định số: 429/TTga ngày 22 tháng 8 năm 1974

1363 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TÌNH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Am, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 8 năm 1969

Số bằng: UP 707 bm Quyết định số: 201/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

1364 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THẢO**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Am, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 6 năm 1967

Số bằng: IM 274 bm Quyết định số: 179/TTga ngày 1 tháng 10 năm 1968

1365 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TÍNH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Am, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 7 năm 1972

Số bằng: HP 471 bm Quyết định số: 16/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1974

1366 Liệt sĩ: **LÊ VĂN LẬP**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Am, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 11 năm 1969

Số bằng: BF 121 bm Quyết định số: 280/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1971

1367 Liệt sĩ: **LÊ VĂN KÍNH**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Am, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 1 năm 1971

Số bằng: HI 082 bm Quyết định số: 487/TTga ngày 8 tháng 11 năm 1973

1368 Liệt sĩ: **LÊ QUANG VINH**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Am, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 2 năm 1969

Số bằng: AS 603 bm Quyết định số: 208/TTga ngày 20 tháng 8 năm 1971

1369 Liệt sĩ: **LÊ NGỌC TIẾN**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Am, huyện Ngọc Lạc, tỉnh

Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 2 năm 1971
Số bằng: OG 766 bm Quyết định số: 617/TTga ngày 10 tháng 12 năm 1974

1370 Liệt sĩ: **LÊ MINH KHAI**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Am, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 9 năm 1968
Số bằng: MG 507 bm Quyết định số: 66/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1970

1371 Liệt sĩ: **LÊ THANH BÌNH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Am, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 4 năm 1972
Số bằng: LD 702 bm Quyết định số: 141/TTga ngày 4 tháng 4 năm 1974

1372 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN LỘC**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Am, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 3 năm 1975
Số bằng: VT 826 bm Quyết định số: 351/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

1373 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN HỢI**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Am, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1968
Số bằng: ĐR 519 bm Quyết định số: 09/TTga ngày 16 tháng 1 năm 1973

1374 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN HẠNH**

Trung úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Am, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 18 tháng 3 năm 1984
Số bằng: BB 573 bt Quyết định số: 103/CTKT ngày 16 tháng 4 năm 1986

1375 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN CẢNH**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Am, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 10 năm 1969
Số bằng: BF 227 bm Quyết định số: 11/TTga ngày 6 tháng 1 năm 1972

1376 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TẾ**

Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Am, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 10 năm 1972
Số bằng: HT 465 bm Quyết định số: 453/TTga ngày 20 tháng 10 năm 1973

1377 Liệt sĩ: **TRẦN TRỌNG THÊM**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Am, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 2 năm 1966
Số bằng: AM 999 bm Quyết định số: 108/TTga ngày 22 tháng 6 năm 1967

1378 Liệt sĩ: **PHẠM CÔNG LỘC**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Am, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 6 năm 1968
Số bằng: MP 904 bm Quyết định số: 233/TTga ngày 28 tháng 9 năm 1970

1379 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TỨC**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Am, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 2 năm 1975

Số bằng: YE 016 bm Quyết định số: 356/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

1380 Liệt sĩ: **LÊ ĐỨC TỰ**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Am, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1973

Số bằng: OG 776 bm Quyết định số: 617/TTga ngày 10 tháng 12 năm 1974

1381 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HẠNH**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Am, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 10 năm 1967

Số bằng: AP 321 bm Quyết định số: 159/TTga ngày 5 tháng 7 năm 1971

1382 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN CHÂM**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Am, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 4 năm 1971

Số bằng: BK 280 bm Quyết định số: 37/TTga ngày 27 tháng 1 năm 1972

1383 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN VƯỢNG**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Am, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 8 năm 1968

Số bằng: OB 401 bm Quyết định số: 71/TTga ngày 27 tháng 2 năm 1975

1384 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THỨC**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Am, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 6 năm 1972

Số bằng: GL 740 bm Quyết định số: 424/TTga ngày 29 tháng 9 năm 1973

1385 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TON**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Am, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 4 năm 1972

Số bằng: LK 722 bm Quyết định số: 353/TTga ngày 5 tháng 7 năm 1974

1386 Liệt sĩ: **LÊ MINH ĐIỀN**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Am, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 10 năm 1972

Số bằng: VL 730 bm Quyết định số: 354/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

1387 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN PHƯỢNG**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Am, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 9 năm 1969

Số bằng: YE 198 bm Quyết định số: 406/TTga ngày 9 tháng 5 năm 1977

1388 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN THƯỢNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Am, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 6 năm 1968

Số bằng: MG 502 bm Quyết định số: 66/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1970

- 1389 Liệt sĩ: **QUÁCH ĐĂNG NHỊ**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 4 năm 1968
 Số bằng: BF 357 bm Quyết định số: 11/TTga ngày 6 tháng 1 năm 1972
- 1390 Liệt sĩ: **QUÁCH HUY HIÊN**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 6 năm 1974
 Số bằng: QR 867 bm Quyết định số: 122/TTga ngày 10 tháng 4 năm 1976
- 1391 Liệt sĩ: **QUÁCH VĂN ĐỐC**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 6 năm 1968
 Số bằng: MG 091 bm Quyết định số: 69/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1970
- 1392 Liệt sĩ: **QUÁCH VĂN NHÉ**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 2 năm 1969
 Số bằng: BP 214 bm Quyết định số: 62/TTga ngày 21 tháng 2 năm 1972
- 1393 Liệt sĩ: **BÙI NGỌC ĐỆ**
 Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 21 tháng 6 năm 1978
 Số bằng: 8O 492 bt Quyết định số: 509/TTga ngày 9 tháng 7 năm 1979
- 1394 Liệt sĩ: **BÙI ĐỨC ANH**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 11 tháng 9 năm 1978
 Số bằng: 8AA 145 bt Quyết định số: 43/CTKT ngày 17 tháng 3 năm 1982
- 1395 Liệt sĩ: **BÙI ĐỨC DỤC**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 2 năm 1972
 Số bằng: HI 992 bm Quyết định số: 574/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1973
- 1396 Liệt sĩ: **BÙI VĂN TỐ**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 3 tháng 8 năm 1985
 Số bằng: BQ 835 bt Quyết định số: 240/CTKT ngày 10 tháng 21 năm 1987
- 1397 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN ĐÔNG**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 10 năm 1971
 Số bằng: LK 626 bm Quyết định số: 342/TTga ngày 2 tháng 7 năm 1974
- 1398 Liệt sĩ: **BÙI HỒNG KINH**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 5 năm 1968
 Số bằng: MG 097 bm Quyết định số: 69/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1970

- 1399 Liệt sĩ: **BÙI VĂN NHẠC**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lộc Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 9 năm 1970
Số bằng: HB 209 bm Quyết định số: 481/TTga ngày 6 tháng 11 năm 1973
- 1400 Liệt sĩ: **PHẠM CHIẾN THẮNG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 4 năm 1975
Số bằng: QR 770 bm Quyết định số: 100/TTga ngày 25 tháng 3 năm 1976
- 1401 Liệt sĩ: **BÙI VĂN ĐIỂM**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 1 năm 1975
Số bằng: 5S 368 bm Quyết định số: 1008/TTga ngày 4 tháng 9 năm 1978
- 1402 Liệt sĩ: **HÀ MAI SINH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 9 năm 1971
Số bằng: HT 356 bm Quyết định số: 453/TTga ngày 20 tháng 10 năm 1973
- 1403 Liệt sĩ: **HÀ VĂN BÌNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lộc Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 28 tháng 2 năm 1986
Số bằng: BQ 834 bt Quyết định số: 240/CTKT ngày 10 tháng 21 năm 1987
- 1404 Liệt sĩ: **BÙI VĂN MINH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 8 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 9N 077 bt Quyết định số: 249/TTga ngày 7 tháng 4 năm 1980
- 1405 Liệt sĩ: **BÙI ĐĂNG KHUY**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 4 năm 1972
Số bằng: NA 802 bm Quyết định số: 307/TTga ngày 15 tháng 6 năm 1974
- 1406 Liệt sĩ: **BÙI TRẦN ĐỘ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 28 tháng 1 năm 1982
Số bằng: AK 584 bt Quyết định số: 380/CTKT ngày 7 tháng 11 năm 1984
- 1407 Liệt sĩ: **BÙI NGỌC HUÂN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 3 năm 1971
Số bằng: BK 294 bm Quyết định số: 37/TTga ngày 27 tháng 1 năm 1972
- 1408 Liệt sĩ: **BÙI NGUYỄN TÝ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 11 năm 1968

Số bằng: EQ 168 bm Quyết định số: 154/TTga ngày 19 tháng 4 năm 1973

1409 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN MÃO**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 12 năm 1972
Số bằng: YE 305 bm Quyết định số: 406/TTga ngày 9 tháng 5 năm 1977

1410 Liệt sĩ: **TRẦN TRÍ ĐỨC**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 4 năm 1972
Số bằng: VL 800 bm Quyết định số: 354/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

1411 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN BẢO**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 8 năm 1975
Số bằng: 9R 330 bm Quyết định số: 515/TTga ngày 25 tháng 7 năm 1980

1412 Liệt sĩ: **TRƯƠNG MINH KÝ**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 3 năm 1969
Số bằng: AP 341 bm Quyết định số: 159/TTga ngày 5 tháng 7 năm 1971

1413 Liệt sĩ: **LÊ HỮU LẠC**

Phó chủ nhiệm hậu cần trung đoàn Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 6 năm 1968
Số bằng: GS 369 bm Quyết định số: 473/TTga ngày 1 tháng 11 năm 1973

1414 Liệt sĩ: **LÊ VIỆT NGƯ**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 8 năm 1968
Số bằng: TG 551 bm Quyết định số: 46/TTga ngày 19 tháng 1 năm 1977

1415 Liệt sĩ: **LÊ VIỆT NGUYÊN**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 8 năm 1969
Số bằng: LE 068 bm Quyết định số: 212/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1974

1416 Liệt sĩ: **LÊ HỮU DUNG**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 9 năm 1969
Số bằng: TK 455 bm Quyết định số: 31/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1977

1417 Liệt sĩ: **TRỊNH XUÂN CÀN**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 5 năm 1975
Số bằng: QS 030 bm Quyết định số: 114/TTga ngày 3 tháng 4 năm 1976

1418 Liệt sĩ: **LÊ ĐĂNG NGÔN**

Thương sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 11 năm 1969
Số bằng: MO 404 bm Quyết định số: 171/TTga ngày 8 tháng 7 năm 1970

1419 Liệt sĩ: **LÊ DANH VUI**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 4 tháng 2 năm 1979
Số bằng: BB 842 bt Quyết định số: 83/CTKT ngày 3 tháng 9 năm 1986

1420 Liệt sĩ: **TRỊNH HỮU DƯƠNG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 8 năm 1968
Số bằng: EA 028 bm Quyết định số: 68/TTga ngày 27 tháng 2 năm 1973

1421 Liệt sĩ: **TRỊNH HỮU DỤC**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 5 năm 1968
Số bằng: SE 713 bm Quyết định số: 516/TTga ngày 17 tháng 11 năm 1976

1422 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TIẾP**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 12 năm 1966
Số bằng: ĐR 248 bm Quyết định số: 05/TTga ngày 6 tháng 1 năm 1973

1423 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN THUẬN**

Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 8 năm 1968
Số bằng: SM 227 bm Quyết định số: 194/TTga ngày 14 tháng 11 năm 1969

1424 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN ĐÌNH**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 1 năm 1969
Số bằng: EH 972 bm Quyết định số: 132/TTga ngày 12 tháng 4 năm 1973

1425 Liệt sĩ: **TRỊNH HỒNG QUÂN**

Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 11 năm 1974
Số bằng: UH 491 bm Quyết định số: 117/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

1426 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH DO**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 5 năm 1968
Số bằng: QT 622 bm Quyết định số: 221/TTga ngày 5 tháng 6 năm 1976

1427 Liệt sĩ: **LÊ SỸ NINH**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 6 năm 1972
Số bằng: LA 737 bm Quyết định số: 237/TTga ngày 14 tháng 5 năm 1974

- 1428 Liệt sĩ: **TRỊNH KHẮC BAO**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 6 năm 1970
Số bằng: KV 395 bm Quyết định số: 152/TTga ngày 11 tháng 4 năm 1974
- 1429 Liệt sĩ: **TRỊNH HỮU HÂN**
Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 6 năm 1966
Số bằng: AĐ 052 bm Quyết định số: 24/TTga ngày 1 tháng 2 năm 1971
- 1430 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN TRỌNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 8 năm 1969
Số bằng: PZ 552 bm Quyết định số: 424/TTga ngày 21 tháng 10 năm 1975
- 1431 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THƯỜNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 12 năm 1971
Số bằng: 2Đ 659 bm Quyết định số: 1129/TTga ngày 7 tháng 10 năm 1977
- 1432 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG SƠN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 5 năm 1968
Số bằng: QT 828 bm Quyết định số: 206/TTga ngày 28 tháng 5 năm 1976
- 1433 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHỨC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1968
Số bằng: MĐ 830 bm Quyết định số: 109/TTga ngày 7 tháng 5 năm 1970
- 1434 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN LŨNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 5 năm 1968
Số bằng: EĐ 601 bm Quyết định số: 98/TTga ngày 20 tháng 3 năm 1973
- 1435 Liệt sĩ: **TRẦN THỌ TÁM**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Thành, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 10 năm 1970
Số bằng: YE 043 bm Quyết định số: 356/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977
- 1436 Liệt sĩ: **TRẦN THỌ NẢY**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Thành, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 4 năm 1968
Số bằng: BA 119 bm Quyết định số: 244/TTga ngày 8 tháng 10 năm 1971
- 1437 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN TRUNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 11 năm 1969

Số bằng: 2Đ 678 bm Quyết định số: 1129/TTga ngày 7 tháng 10 năm 1977

1438 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN HƯƠNG**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 5 năm 1970

Số bằng: KO 327 bm Quyết định số: 197/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1974

1439 Liệt sĩ: **NGUYỄN MẠNH HÙNG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 8 năm 1971

Số bằng: NV 066 bm Quyết định số: 438/TTga ngày 29 tháng 8 năm 1974

1440 Liệt sĩ: **NGUYỄN MẠNH HÙNG**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 8 năm 1966

Số bằng: KO 319 bm Quyết định số: 197/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1974

1441 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN KHÔI**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1972

Số bằng: 2Đ 850 bm Quyết định số: 1171/TTga ngày 12 tháng 10 năm 1977

1442 Liệt sĩ: **NGUYỄN CHỨC GƯƠNG**

Tiểu đoàn trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 22 tháng 1 năm 1979

Số bằng: 1AA 501 bt Quyết định số: 09/TTga ngày 9 tháng 1 năm 1981

1443 Liệt sĩ: **NGUYỄN CHỨC KÍNH**

Công nhân lái xe binh trạm 25, cục vận tải, Nguyên quán: xã Minh Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 5 năm 1970

Số bằng: HM 345 cm Quyết định số: 208/TTga ngày 20 tháng 8 năm 1971

1444 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN HIẾN**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 3 năm 1973

Số bằng: OĐ 757 bm Quyết định số: 571/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1974

1445 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN GIAI**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 10 năm 1970

Số bằng: CĐ 855 bm Quyết định số: 209/TTga ngày 1 tháng 6 năm 1972

1446 Liệt sĩ: **LÊ HỒNG VÂN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 3 năm 1971

Số bằng: CL 435 bm Quyết định số: 301/TTga ngày 25 tháng 7 năm 1972

1447 Liệt sĩ: **LÊ HỮU NGỌC**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh

Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 2 năm 1971
Số bằng: LA 713 bm Quyết định số: 237/TTga ngày 14 tháng 5 năm 1974

1448 Liệt sĩ: **LÊ HỮU TÍNH**

Chính trị viên phó Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 3 năm 1972

Số bằng: LT 462 bm Quyết định số: 288/TTga ngày 8 tháng 6 năm 1974

1449 Liệt sĩ: **TRẦN PHÚ XEM**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 9 năm 1969

Số bằng: CL 439 bm Quyết định số: 301/TTga ngày 25 tháng 7 năm 1972

1450 Liệt sĩ: **LÊ NGỌC THANH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 5 năm 1969

Số bằng: EK 775 bm Quyết định số: 177/TTga ngày 11 tháng 5 năm 1973

1451 Liệt sĩ: **LÊ NGỌC THAM**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 7 năm 1972

Số bằng: KS 844 bm Quyết định số: 168/TTga ngày 16 tháng 4 năm 1974

1452 Liệt sĩ: **TRẦN PHÚ THÀNH**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 12 năm 1972

Số bằng: 2Đ 600 bm Quyết định số: 1130/TTga ngày 7 tháng 10 năm 1977

1453 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CẨM**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 1 năm 1966

Số bằng: CĐ 815 bm Quyết định số: 209/TTga ngày 1 tháng 6 năm 1972

1454 Liệt sĩ: **LÊ TỬ TRỌNG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 5 năm 1968

Số bằng: EA 207 bm Quyết định số: 77/TTga ngày 10 tháng 3 năm 1973

1455 Liệt sĩ: **LÊ TỬ SƠN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 7 năm 1968

Số bằng: GK 480 bm Quyết định số: 372/TTga ngày 23 tháng 8 năm 1973

1456 Liệt sĩ: **LÊ HỮU TUỆ**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 12 năm 1967

Số bằng: EĐ 556 bm Quyết định số: 98/TTga ngày 20 tháng 3 năm 1973

- 1457 **Liệt sĩ: LÊ HỮU NĂM**
 Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 5 năm 1970
 Số bằng: GD 039 bm Quyết định số: 261/TTga ngày 23 tháng 6 năm 1973
- 1458 **Liệt sĩ: LÊ HỮU BẢNG**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 2 năm 1971
 Số bằng: CL 348 bm Quyết định số: 301/TTga ngày 25 tháng 7 năm 1972
- 1459 **Liệt sĩ: LÊ HỮU HÀNH**
 Chiên sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 9 năm 1972
 Số bằng: KL 073 bm Quyết định số: 36/TTga ngày 26 tháng 1 năm 1974
- 1460 **Liệt sĩ: TRỊNH HỮU YÊN**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Sơn, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 4 năm 1971
 Số bằng: OK 751 bm Quyết định số: 19/TTga ngày 18 tháng 1 năm 1975
- 1461 **Liệt sĩ: LÊ VĂN CHUÔNG**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Dân Lý, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 1 năm 1975
 Số bằng: SA 710 bm Quyết định số: 393/TTga ngày 5 tháng 10 năm 1976
- 1462 **Liệt sĩ: NGUYỄN TRỌNG ĐÁU**
 Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Thành, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 7 năm 1966
 Số bằng: OP 359 bm Quyết định số: 20/TTga ngày 18 tháng 1 năm 1975
- 1463 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN CÀN**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 3 tháng 5 năm 1978
 Số bằng: 80 445 bt Quyết định số: 509/TTga ngày 9 tháng 7 năm 1979
- 1464 **Liệt sĩ: NGUYỄN VĂN PHƯƠNG**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 6 năm 1969
 Số bằng: UA 775 bm Quyết định số: 191/TTga ngày 28 tháng 3 năm 1977
- 1465 **Liệt sĩ: LÊ NGỌC DIỆN**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 7 năm 1968
 Số bằng: QM 757 bm Quyết định số: 188/TTga ngày 5 tháng 11 năm 1969
- 1466 **Liệt sĩ: CÙ CHÍNH CƯƠNG**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 7 năm 1972
 Số bằng: PK 708 bm Quyết định số: 359/TTga ngày 9 tháng 9 năm 1975

- 1467 Liệt sĩ: **CÙ VĂN KHẢI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 4 năm 1969
Số bằng: ED 718 bm Quyết định số: 110/TTGa ngày 29 tháng 3 năm 1973
- 1468 Liệt sĩ: **PHẠM HÙNG**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 6 năm 1969
Số bằng: OT 162 bm Quyết định số: 79/TTGa ngày 6 tháng 3 năm 1975
- 1469 Liệt sĩ: **PHẠM QUANG TAO**
Chiên sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 3 năm 1967
Số bằng: LM 057 bm Quyết định số: 217/TTGa ngày 28 tháng 11 năm 1968
- 1470 Liệt sĩ: **PHẠM XUÂN GIAO**
Đại úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 9 tháng 6 năm 1985
Số bằng: BH 648 bt Quyết định số: 300/CTKT ngày 5 tháng 11 năm 1986
- 1471 Liệt sĩ: **PHẠM XUÂN TƯỜNG**
Chiên sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 6 năm 1972
Số bằng: ĐR 374 bm Quyết định số: 13/TTGa ngày 20 tháng 1 năm 1973
- 1472 Liệt sĩ: **PHẠM XUÂN CẨM**
Y sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 5 năm 1969
Số bằng: TE 957 bm Quyết định số: 578/TTGa ngày 31 tháng 12 năm 1976
- 1473 Liệt sĩ: **TÓNG PHÚC BÀN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 2 năm 1968
Số bằng: MZ 536 bm Quyết định số: 36/TTGa ngày 11 tháng 2 năm 1971
- 1474 Liệt sĩ: **HOÀNG NGỌC HƯƠNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 9 năm 1969
Số bằng: AS 550 bm Quyết định số: 208/TTGa ngày 20 tháng 8 năm 1971
- 1475 Liệt sĩ: **LÊ ĐĂNG DŨNG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 12 năm 1973
Số bằng: TK 454 bm Quyết định số: 31/TTGa ngày 11 tháng 1 năm 1977
- 1476 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH GÁM**
Chiên sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 6 năm 1971

Số bằng: HI 825 bm Quyết định số: 10/TTga ngày 4 tháng 1 năm 1974

1477 Liệt sĩ: **LÊ DANH KHẮC**

Chính trị viên tiểu đoàn Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 1 năm 1973

Số bằng: LD 735 bm Quyết định số: 141/TTga ngày 4 tháng 4 năm 1974

1478 Liệt sĩ: **LÊ DANH NGÔ**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 8 năm 1968

Số bằng: VT 754 bm Quyết định số: 351/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

1479 Liệt sĩ: **LÊ DANH NGHỊ**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 2 năm 1971

Số bằng: ĐB 148 bm Quyết định số: 387/TTga ngày 19 tháng 9 năm 1972

1480 Liệt sĩ: **LÊ NGỌC MINH**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 10 tháng 4 năm 1984

Số bằng: AM 016 bt Quyết định số: 13/CTKT ngày 9 tháng 1 năm 1985

1481 Liệt sĩ: **TÓNG PHÚC THUẬN**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 10 năm 1969

Số bằng: UK 918 bm Quyết định số: 245/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

1482 Liệt sĩ: **TRẦN KIM THÀNH**

Chiên sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 5 tháng 12 năm 1978

Số bằng: BB 428 bt Quyết định số: 103/CTKT ngày 4 tháng 6 năm 1986

1483 Liệt sĩ: **LƯƠNG XUÂN VUI**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 3 năm 1966

Số bằng: LT 587 bm Quyết định số: 336/TTga ngày 28 tháng 6 năm 1974

1484 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGUYỄN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Thành, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 3 năm 1974

Số bằng: LS 698 bm Quyết định số: 272/TTga ngày 28 tháng 5 năm 1974

1485 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHƯNG**

Chiên sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Dân Lý, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 3 năm 1973

Số bằng: UR 065 bm Quyết định số: 204/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

1486 Liệt sĩ: **TRƯƠNG DOãn TƯỜNG**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Dân Lý, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 7 năm 1970
Số bằng: TI 264 bm Quyết định số: 588/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1976

1487 Liệt sĩ: **LÊ VĂN SÁU**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Dân Lý, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 10 năm 1973
Số bằng: PĐ 996 bm Quyết định số: 342/TTga ngày 31 tháng 8 năm 1975

1488 Liệt sĩ: **BÙI VĂN SINH**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Dân Lý, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 2 năm 1975
Số bằng: QI 597 bm Quyết định số: 37/TTga ngày 5 tháng 2 năm 1976

1489 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN NÔNG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Dân Lý, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 2 năm 1966
Số bằng: MZ 666 bm Quyết định số: 36/TTga ngày 11 tháng 2 năm 1971

1490 Liệt sĩ: **BÙI VĂN NÉT**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Dân Lý, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1972
Số bằng: NK 765 bm Quyết định số: 382/TTga ngày 22 tháng 7 năm 1974

1491 Liệt sĩ: **ĐÀO XUÂN MÃO**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Dân Lý, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 1 năm 1971
Số bằng: LS 610 bm Quyết định số: 264/TTga ngày 25 tháng 5 năm 1974

1492 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KHÔI**

Tiểu đoàn trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh An, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 6 năm 1975
Số bằng: YV 104 bm Quyết định số: 521/TTga ngày 3 tháng 6 năm 1977

1493 Liệt sĩ: **NGÔ XUÂN SƠN**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Dân Lý, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 5 năm 1970
Số bằng: KO 583 bm Quyết định số: 45/TTga ngày 1 tháng 2 năm 1974

1494 Liệt sĩ: **NGUYỄN NHƯ TRÀNG**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Dân Lý, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 4 năm 1971
Số bằng: ĐB 207 bm Quyết định số: 387/TTga ngày 19 tháng 9 năm 1972

1495 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THIẾT**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Dân Lý, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 4 năm 1972
Số bằng: LS 897 bm Quyết định số: 275/TTga ngày 29 tháng 5 năm 1974

- 1496 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN CÂY**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiến Nông, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 8 năm 1967
Số bằng: UQ 067 bm Quyết định số: 202/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977
- 1497 Liệt sĩ: **ĐÀO XUÂN HẢI**
Chiên sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Dân Lý, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 3 năm 1971
Số bằng: GK 403 bm Quyết định số: 372/TTga ngày 23 tháng 8 năm 1973
- 1498 Liệt sĩ: **BÙI VĂN HOÀNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Dân Lý, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 1 năm 1973
Số bằng: PĐ 907 bm Quyết định số: 342/TTga ngày 31 tháng 8 năm 1975
- 1499 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MẠC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Dân Lý, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 8 năm 1966
Số bằng: UQ 505 bm Quyết định số: 178/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977
- 1500 Liệt sĩ: **TRẦN ĐÌNH DÂN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Dân Lý, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 10 năm 1972
Số bằng: KL 270 bm Quyết định số: 549/TTga ngày 10 tháng 12 năm 1973
- 1501 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HẠNH**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Dân Lý, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1970
Số bằng: UL 664 bm Quyết định số: 226/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977
- 1502 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CƠ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Dân Lý, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 7 năm 1972
Số bằng: HI 692 bm Quyết định số: 02 TTga ngày 3 tháng 1 năm 1974
- 1503 Liệt sĩ: **LÊ VĂN LON**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Dân Lý, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 6 năm 1970
Số bằng: ĐB 162 bm Quyết định số: 387/TTga ngày 19 tháng 9 năm 1972
- 1504 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THỜI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Dân Lý, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 8 năm 1972
Số bằng: KL 611 bm Quyết định số: 568/TTga ngày 14 tháng 12 năm 1973
- 1505 Liệt sĩ: **ĐINH VĂN TÁM**
Chiên sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Dân Lý, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 10 năm 1972
Số bằng: OG 418 bm Quyết định số: 572/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1974

- 1506 Liệt sĩ: **ĐÀO XUÂN DU**
 Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Dân Lý, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 26 tháng 9 năm 1978
 Số bằng: 8X 543 bt Quyết định số: 744/TTga ngày 27 tháng 10 năm 1979
- 1507 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN ĐÀO**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Dân Lý, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 3 năm 1973
 Số bằng: 0Đ 726 bm Quyết định số: 571/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1974
- 1508 Liệt sĩ: **LÊ THANH BÌNH**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Dân Lý, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 8 năm 1968
 Số bằng: ĐB 072 bm Quyết định số: 387/TTga ngày 19 tháng 9 năm 1972
- 1509 Liệt sĩ: **LÊ QUANG KỆ**
 Chiên sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Dân Lý, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 6 năm 1964
 Số bằng: ZX 353 bm Quyết định số: 280/TTga ngày 17 tháng 11 năm 1960
- 1510 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHƠI**
 Chiên sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Dân Lý, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 28 tháng 4 năm 1978
 Số bằng: 7L 054 bt Quyết định số: 1389/TTga ngày 8 tháng 12 năm 1978
- 1511 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC GIÁO**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Dân Lý, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 5 năm 1961
 Số bằng: CZ 874 bm Quyết định số: 157/TTga ngày 5 tháng 6 năm 1962
- 1512 Liệt sĩ: **LÊ KIM CHUNG**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Dân Lý, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 4 năm 1972
 Số bằng: KO 380 bm Quyết định số: 197/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1974
- 1513 Liệt sĩ: **LÊ THỊ HẠ**
 Chiên sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Dân Lý, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 4 năm 1966
 Số bằng: AM 007 cm Quyết định số: 15/TTga ngày 1 tháng 9 năm 1967
- 1514 Liệt sĩ: **LÊ VĂN LƯƠNG**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 6 năm 1969
 Số bằng: MP 596 bm Quyết định số: 220/TTga ngày 17 tháng 9 năm 1970
- 1515 Liệt sĩ: **LÊ VĂN LAN**
 Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 12 năm 1969

Số bằng: TH 946 bm Quyết định số: 30/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1977

1516 Liệt sĩ: **LÊ VĂN LÝ**

Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 2 năm 1972

Số bằng: LD 759 bm Quyết định số: 141/TTga ngày 4 tháng 4 năm 1974

1517 Liệt sĩ: **LÊ VĂN MINH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 12 tháng 5 năm 1978

Số bằng: 8B 188 bt Quyết định số: 247/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1979

1518 Liệt sĩ: **LÊ VĂN MINH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 8 năm 1972

Số bằng: TG 512 bm Quyết định số: 46/TTga ngày 19 tháng 1 năm 1977

1519 Liệt sĩ: **LÊ VĂN MIỆU**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 8 năm 1972

Số bằng: 2K 124 bm Quyết định số: 1313/TTga ngày 24 tháng 10 năm 1977

1520 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NGON**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 10 năm 1969

Số bằng: UA 914 bm Quyết định số: 222/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

1521 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NGHỊ**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 10 năm 1970

Số bằng: UA 823 bm Quyết định số: 191/TTga ngày 28 tháng 3 năm 1977

1522 Liệt sĩ: **LÊ VĂN PHÁN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 8 tháng 3 năm 1979

Số bằng: 9N 162 bt Quyết định số: 249/TTga ngày 7 tháng 4 năm 1980

1523 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TÂN**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 12 năm 1972

Số bằng: NK 826 bm Quyết định số: 382/TTga ngày 22 tháng 7 năm 1974

1524 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TỊNH**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 2 năm 1971

Số bằng: ED 553 bm Quyết định số: 98/TTga ngày 20 tháng 3 năm 1973

1525 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THANH**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh

Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 12 năm 1974
Số bằng: TH 785 bm Quyết định số: 586/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1976

1526 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THANH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 12 năm 1972
Số bằng: 3N 824 bm Quyết định số: 112/TTga ngày 13 tháng 2 năm 1978

1527 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THƯỜNG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 4 năm 1971
Số bằng: LS 929 bm Quyết định số: 275/TTga ngày 29 tháng 5 năm 1974

1528 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THIẾC**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 4 năm 1972
Số bằng: LS 894 bm Quyết định số: 275/TTga ngày 29 tháng 5 năm 1974

1529 Liệt sĩ: **LÊ VĂN VANH**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 9 năm 1966
Số bằng: CZ 857 bm Quyết định số: 157/TTga ngày 26 tháng 5 năm 1962

1530 Liệt sĩ: **LÊ VĂN VINH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 5 năm 1970
Số bằng: UK 376 bm Quyết định số: 166/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

1531 Liệt sĩ: **LÊ VĂN VIỆT**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Cường, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 4 năm 1971
Số bằng: SE 196 bm Quyết định số: 397/TTga ngày 5 tháng 10 năm 1976

1532 Liệt sĩ: **LÊ DANH CẢ**

Tham mưu trưởng tiểu đoàn Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 12 năm 1972

Số bằng: NP 887 bm Quyết định số: 415/TTga ngày 15 tháng 8 năm 1974

1533 Liệt sĩ: **LÊ DANH BỜN**

Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 10 năm 1970
Số bằng: RH 607 bm Quyết định số: 267/TTga ngày 25 tháng 6 năm 1976

1534 Liệt sĩ: **LÊ DANH CHÀNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 5 năm 1968
Số bằng: KO 479 bm Quyết định số: 45/TTga ngày 1 tháng 2 năm 1974

- 1535 Liệt sĩ: **LÊ DANH TÊ**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 6 năm 1972
 Số bằng: SE 756 bm Quyết định số: 516/TTga ngày 17 tháng 11 năm 1976
- 1536 Liệt sĩ: **LÊ DANH THẮNG**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1972
 Số bằng: KL 587 bm Quyết định số: 568/TTga ngày 14 tháng 12 năm 1973
- 1537 Liệt sĩ: **LÊ DANH VỄ**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 4 năm 1968
 Số bằng: YE 131 bm Quyết định số: 356/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977
- 1538 Liệt sĩ: **LÊ DU KÍCH**
 Binh nhất Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 8 năm 1966
 Số bằng: MI 604 bm Quyết định số: 139/TTga ngày 8 tháng 6 năm 1970
- 1539 Liệt sĩ: **LÊ HỮU BÌNH**
 Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 28 tháng 8 năm 1983
 Số bằng: AM 023 bt Quyết định số: 13/CTKT ngày 9 tháng 1 năm 1985
- 1540 Liệt sĩ: **LÊ HỮU ĐỒNG**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 8 năm 1967
 Số bằng: EA 041 bm Quyết định số: 68/TTga ngày 27 tháng 2 năm 1973
- 1541 Liệt sĩ: **LÊ HỮU CÔNG**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 6 năm 1971
 Số bằng: CL 351 bm Quyết định số: 301/TTga ngày 25 tháng 7 năm 1972
- 1542 Liệt sĩ: **TRẦN ĐỨC XUYỀN**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 3 năm 1970
 Số bằng: TY 616 bm Quyết định số: 195/TTga ngày 28 tháng 3 năm 1977
- 1543 Liệt sĩ: **TRẦN ĐỨC DOANH**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 10 năm 1972
 Số bằng: PK 712 bm Quyết định số: 359/TTga ngày 9 tháng 9 năm 1975
- 1544 Liệt sĩ: **TRẦN THỂ PHONG**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 24 tháng 02 năm 2001
 Số bằng: GI 764 bt Quyết định số: 57/TTga ngày 08 tháng 01 năm 2004

- 1545 Liệt sĩ: **LÊ NGỌC VĂN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 12 năm 1973
Số bằng: 3AA 787 bm Quyết định số: 138/TTga ngày 15 tháng 4 năm 1981
- 1546 Liệt sĩ: **LÊ NGỌC VĂN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 6 năm 1972
Số bằng: UK 246 bm Quyết định số: 166/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977
- 1547 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH KHÁNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 2 năm 1976
Số bằng: 8B 144 bm Quyết định số: 247/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1979
- 1548 Liệt sĩ: **LÊ NGỌC PHƯỢNG**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 12 năm 1974
Số bằng: QR 759 bm Quyết định số: 100/TTga ngày 25 tháng 3 năm 1976
- 1549 Liệt sĩ: **LÊ NGỌC SAO**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 5 năm 1972
Số bằng: QT 810 bm Quyết định số: 206/TTga ngày 28 tháng 5 năm 1976
- 1550 Liệt sĩ: **LÊ NGỌC SÍNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 10 năm 1969
Số bằng: YE 268 bm Quyết định số: 406/TTga ngày 9 tháng 5 năm 1977
- 1551 Liệt sĩ: **LÊ NGỌC TỄ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 4 năm 1971
Số bằng: LS 751 bm Quyết định số: 272/TTga ngày 28 tháng 5 năm 1974
- 1552 Liệt sĩ: **LÊ NGỌC TRƯỜNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 6 năm 1969
Số bằng: UK 693 bm Quyết định số: 171/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977
- 1553 Liệt sĩ: **LÊ NHƯ DŨNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 6 năm 1972
Số bằng: TY 750 bm Quyết định số: 230/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977
- 1554 Liệt sĩ: **LÊ NHƯ HÂN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 25 tháng 6 năm 1986

Số bằng: BQ 880 bt Quyết định số: 243/CTKT ngày 10 tháng 21 năm 1987

1555 Liệt sĩ: **LÊ SĨ BẦY**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 9 năm 1967

Số bằng: 8I 008 bm Quyết định số: 368/TTga ngày 23 tháng 5 năm 1979

1556 Liệt sĩ: **LÊ SỸ SỬ**

Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 10 năm 1967

Số bằng: GĐ 007 bm Quyết định số: 261/TTga ngày 23 tháng 6 năm 1973

1557 Liệt sĩ: **LÊ SỸ TAO**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 11 năm 1968

Số bằng: T1 319 bm Quyết định số: 588/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1976

1558 Liệt sĩ: **LÊ TUẤN ĐỒ**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 6 tháng 2 năm 1979

Số bằng: 8X 565 bt Quyết định số: 744/TTga ngày 27 tháng 10 năm 1979

1559 Liệt sĩ: **LÊ TUẤN LƯỢNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 9 năm 1972

Số bằng: OA 461 bm Quyết định số: 568/TTga ngày 11 tháng 11 năm 1974

1560 Liệt sĩ: **LÊ TUYỀN LÂM**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 12 năm 1969

Số bằng: 2Đ 800 bm Quyết định số: 1171/TTga ngày 12 tháng 10 năm 1977

1561 Liệt sĩ: **LÊ TUYỀN VĂN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 3 năm 1967

Số bằng: CM 237 bm Quyết định số: 35/TTga ngày 1 tháng 3 năm 1968

1562 Liệt sĩ: **LÊ TRỌNG CƯỜNG**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 25 tháng 1 năm 1979

Số bằng: 8X 519 bt Quyết định số: 744/TTga ngày 27 tháng 10 năm 1979

1563 Liệt sĩ: **LÊ VĂN ĐIỀU**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 8 năm 1972

Số bằng: SE 219 bm Quyết định số: 397/TTga ngày 5 tháng 10 năm 1976

1564 Liệt sĩ: **LÊ VĂN BÀU**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh

Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 12 năm 1969
Số bằng: UG 799 bm Quyết định số: 150/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

1565 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CẢNH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 1 năm 1968
Số bằng: UQ 080 bm Quyết định số: 202/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

1566 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CHUÔNG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 1 năm 1973
Số bằng: OA 547 bm Quyết định số: 568/TTga ngày 11 tháng 11 năm 1974

1567 Liệt sĩ: **PHẠM QUANG CHÚNG**

Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 3 năm 1968
Số bằng: MK 095 bm Quyết định số: 136/TTga ngày 8 tháng 6 năm 1970

1568 Liệt sĩ: **HÀ MẠNH ĐÔNG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 3 năm 1975
Số bằng: QĐ 169 bm Quyết định số: 474/TTga ngày 5 tháng 12 năm 1975

1569 Liệt sĩ: **HÀ VĂN KHOÁT**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1966
Số bằng: 7L 968 bm Quyết định số: 28/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1979

1570 Liệt sĩ: **HÀ QUANG NHI**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 6 năm 1974
Số bằng: QR 738 bm Quyết định số: 100/TTga ngày 25 tháng 3 năm 1976

1571 Liệt sĩ: **HÀ VĂN TRÌNH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 14 tháng 9 năm 1978
Số bằng: 8B 353 bt Quyết định số: 256/TTga ngày 13 tháng 4 năm 1979

1572 Liệt sĩ: **HOÀNG TRỌNG TĂNG**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 7 năm 1969
Số bằng: TI 327 bm Quyết định số: 588/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1976

1573 Liệt sĩ: **HOÀNG XUÂN VINH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 10 tháng 3 năm 1984
Số bằng: AM 010 bt Quyết định số: 13/CTKT ngày 9 tháng 1 năm 1985

1574 Liệt sĩ: **NGUYỄN THÁI SINH**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 6 năm 1972
Số bằng: TK 071 bm Quyết định số: 44/TTga ngày 19 tháng 1 năm 1977

1575 Liệt sĩ: **HÀ VĂN HIỀN**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 15 tháng 10 năm 1981
Số bằng: A 039 bt Quyết định số: 252/CTKT ngày 8 tháng 9 năm 1982

1576 Liệt sĩ: **ĐỖ QUANG DŨNG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 10 năm 1969
Số bằng: GK 430 bm Quyết định số: 372 TTga ngày 23 tháng 8 năm 1973

1577 Liệt sĩ: **PHẠM HUY XOAN**

Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 6 năm 1969
Số bằng: TK 100 bm Quyết định số: 44 TTga ngày 19 tháng 1 năm 1977

1578 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MÃO**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 3 năm 1967
Số bằng: AP 395 bm Quyết định số: 159 TTga ngày 5 tháng 7 năm 1971

1579 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH LIÊN**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Thành, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 2 năm 1972
Số bằng: OA 443 bm Quyết định số: 568 TTga ngày 11 tháng 11 năm 1974

1580 Liệt sĩ: **LÊ ĐĂNG KHIÊN**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 12 năm 1968
Số bằng: UL 517 bm Quyết định số: 162 TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

1581 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÀNH**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 12 năm 1968
Số bằng: UK 741 bm Quyết định số: 227 TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

1582 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÀNH**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1975
Số bằng: UK 746 bm Quyết định số: 227 TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

1583 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN NGHỊ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 9 năm 1967
Số bằng: KM 982 bm Quyết định số: 217 TTga ngày 28 tháng 11 năm 1968

- 1584 Liệt sĩ: **LÊ MINH ĐỀ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 6 năm 1971
Số bằng: VL 727 bm Quyết định số: 354 TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977
- 1585 Liệt sĩ: **ĐỖ NHƯ ĐÌNH**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 6 năm 1971
Số bằng: PZ 597 bm Quyết định số: 424 TTga ngày 21 tháng 10 năm 1975
- 1586 Liệt sĩ: **ĐỖ CÁT MẪN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 6 năm 1968
Số bằng: BF 320 bm Quyết định số: 11 TTga ngày 6 tháng 1 năm 1972
- 1587 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐỊNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 6 năm 1966
Số bằng: AQ 993 bm Quyết định số: 132 TTga ngày 3 tháng 6 năm 1971
- 1588 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN SÁU**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 4 năm 1970
Số bằng: GK 478 bm Quyết định số: 372 TTga ngày 23 tháng 8 năm 1973
- 1589 Liệt sĩ: **LÊ HỮU HIỆU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 5 năm 1968
Số bằng: BG 168 bm Quyết định số: 13 TTga ngày 6 tháng 1 năm 1972
- 1590 Liệt sĩ: **LÊ HỮU LÂM**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 5 năm 1972
Số bằng: VO 105 bm Quyết định số: 221/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977
- 1591 Liệt sĩ: **LÊ HỮU PHƯƠNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 4 năm 1972
Số bằng: LS 974 bm Quyết định số: 275/TTga ngày 29 tháng 5 năm 1974
- 1592 Liệt sĩ: **LÊ HỮU THANH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 12 năm 1972
Số bằng: OP 691 bm Quyết định số: 63/TTga ngày 21 tháng 2 năm 1975
- 1593 Liệt sĩ: **LÊ HỮU VIỆT**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 12 năm 1972
Số bằng: SE 197 bm Quyết định số: 397/TTga ngày 5 tháng 10 năm 1976

- 1594 Liệt sĩ: **LÊ HOÀ CHÍNH**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 6 năm 1972
 Số bằng: LS 944 bm Quyết định số: 275/TTga ngày 29 tháng 5 năm 1974
- 1595 Liệt sĩ: **LÊ NHƯ NỘI**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 9 năm 1972
 Số bằng: OA 471 bm Quyết định số: 568/TTga ngày 11 tháng 11 năm 1974
- 1596 Liệt sĩ: **LÊ NHƯ TÁO**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 9 năm 1969
 Số bằng: UP 928 bm Quyết định số: 184/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977
- 1597 Liệt sĩ: **LÊ NHƯ TẠC**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 5 năm 1966
 Số bằng: BA 141 bm Quyết định số: 244/TTga ngày 8 tháng 10 năm 1971
- 1598 Liệt sĩ: **LÊ NHƯ TỬ**
 Dân công, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 22 tháng 02 năm 1954
 Số bằng: HA 939 Cp Quyết định số: 425/TTga ngày 20 tháng 03 năm 2006
- 1599 Liệt sĩ: **LÊ VIỆT TÁM**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 10 năm 1969
 Số bằng: UP 667 bm Quyết định số: 216/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977
- 1600 Liệt sĩ: **LÊ VIỆT TỚI**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 9 năm 1968
 Số bằng: AV 876 bm Quyết định số: 271/TTga ngày 18 tháng 11 năm 1971
- 1601 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH VƯỢNG**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 2 năm 1968
 Số bằng: OP 633 bm Quyết định số: 63/TTga ngày 21 tháng 2 năm 1975
- 1602 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC TUÂN**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 1 năm 1973
 Số bằng: UP 729 bm Quyết định số: 201/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977
- 1603 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC KHANG**
 Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 24 tháng 12 năm 1952

Số bằng: ZM 434 bp Quyết định số: 455/TTga ngày 4 tháng 10 năm 1958

1604 Liệt sĩ: **TRỊNH VĂN BAN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 9 năm 1972

Số bằng: OĐ 685 bm Quyết định số: 571/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1974

1605 Liệt sĩ: **TRỊNH XUÂN PHƯƠNG**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 03 tháng 03 năm 1970

Số bằng: GI 948 bm Quyết định số: 135/TTga ngày 03 tháng 02 năm 2004

1606 Liệt sĩ: **TRỊNH XUÂN TẠO**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 7 năm 1973

Số bằng: UP 923 bm Quyết định số: 184/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

1607 Liệt sĩ: **VŨ ĐÌNH THỎ**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 3 năm 1970

Số bằng: KO 553 bm Quyết định số: 45/TTga ngày 1 tháng 2 năm 1974

1608 Liệt sĩ: **HÀ VĂN NGẪU**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 12 năm 1968

Số bằng: UA 845 bm Quyết định số: 191/TTga ngày 28 tháng 3 năm 1977

1609 Liệt sĩ: **HÀ HUY GIÁO**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 7 tháng 4 năm 1983

Số bằng: AK 540 bt Quyết định số: 426/CTKT ngày 12 tháng 12 năm 1984

1610 Liệt sĩ: **HÀ NGỌC VĂN**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 9 năm 1970

Số bằng: QP 661 bm Quyết định số: 121/TTga ngày 10 tháng 4 năm 1976

1611 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN DỰ**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Tân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 6 năm 1971

Số bằng: TY 703 bm Quyết định số: 230/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

1612 Liệt sĩ: **ĐỖ TRỌNG HOÀN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 4 năm 1971

Số bằng: EĐ 705 bm Quyết định số: 110/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1973

1613 Liệt sĩ: **HÀ VĂN LẠC**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 4 năm 1972
Số bằng: KL 140 bm Quyết định số: 142/TTga ngày 4 tháng 4 năm 1974

1614 Liệt sĩ: **HÀ VĂN LỤC**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 12 năm 1972
Số bằng: KL 166 bm Quyết định số: 142/TTga ngày 4 tháng 4 năm 1974

1615 Liệt sĩ: **ĐỖ ĐÌNH ĐỀ**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 12 năm 1969
Số bằng: UP 446 bm Quyết định số: 175/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

1616 Liệt sĩ: **DOÃN VIỆT KHÔI**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 4 năm 1966
Số bằng: CD 728 bm Quyết định số: 213/TTga ngày 1 tháng 6 năm 1972

1617 Liệt sĩ: **ĐÌNH NGỌC THÀNH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 5 năm 1968
Số bằng: MO 413 bm Quyết định số: 171/TTga ngày 8 tháng 7 năm 1970

1618 Liệt sĩ: **LÊ DUY MƠ**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 11 năm 1972
Số bằng: OD 806 bm Quyết định số: 571/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1974

1619 Liệt sĩ: **LÊ VĂN ĐÌNH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 8 năm 1968
Số bằng: MG 475 bm Quyết định số: 66/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1970

1620 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH ĐOÀN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 12 năm 1965
Số bằng: DB 111 bm Quyết định số: 387/TTga ngày 19 tháng 9 năm 1972

1621 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH KE**

Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 1 năm 1971

Số bằng: DL 922 bm Quyết định số: 467/TTga ngày 9 tháng 11 năm 1972

1622 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH LY**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 3 năm 1967
Số bằng: LM 769 bm Quyết định số: 19/TTga ngày 11 tháng 2 năm 1969

- 1623 Liệt sĩ: **LÊ ANH SÀNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 4 năm 1971
Số bằng: LS 618 bm Quyết định số: 272/TTga ngày 28 tháng 5 năm 1974
- 1624 Liệt sĩ: **LÊ DUY PHIÊN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 4 năm 1970
Số bằng: LS 965 bm Quyết định số: 275/TTga ngày 29 tháng 5 năm 1974
- 1625 Liệt sĩ: **LÊ HỮU LÂM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 6 năm 1969
Số bằng: VO 106 bm Quyết định số: 221/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977
- 1626 Liệt sĩ: **LÊ NHƯ GIAI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 10 năm 1970
Số bằng: UK 526 bm Quyết định số: 110/TTga ngày 1 tháng 3 năm 1977
- 1627 Liệt sĩ: **LÊ NHƯ MẠNH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 12 năm 1968
Số bằng: UQ 515 bm Quyết định số: 178/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977
- 1628 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH HY**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 1 năm 1966
Số bằng: AV 589 bm Quyết định số: 264/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1971
- 1629 Liệt sĩ: **LÊ QUY HÀO**
Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 9 năm 1967
Số bằng: MĐ 172 bm Quyết định số: 68/TTga ngày 27 tháng 3 năm 1970
- 1630 Liệt sĩ: **LÊ VĂN LÂM**
Chính trị viên phó Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 6 năm 1972
Số bằng: EĐ 595 bm Quyết định số: 98/TTga ngày 20 tháng 3 năm 1973
- 1631 Liệt sĩ: **LÊ VĂN ĐỒNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 3 năm 1972
Số bằng: TK 493 bm Quyết định số: 31/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1977
- 1632 Liệt sĩ: **LÊ VĂN ĐỊNH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh

Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 11 năm 1967
Số bằng: AP 302 bm Quyết định số: 159/TTga ngày 5 tháng 7 năm 1971

1633 Liệt sĩ: **LÊ VĂN BƠN**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 4 năm 1968
Số bằng: VL 652 bm Quyết định số: 327/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977

1634 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HÌNH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 05 tháng 05 năm 1950
Số bằng: GZ 742 bp Quyết định số: 111/Ttga ngày 19 tháng 01 năm 2006

1635 Liệt sĩ: **LÊ VĂN KIM**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 5 năm 1971
Số bằng: ĐR 295 bm Quyết định số: 05/TTga ngày 6 tháng 1 năm 1973

1636 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NHÀN**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 2 năm 1968
Số bằng: TE 933 bm Quyết định số: 578/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1976

1637 Liệt sĩ: **LÊ VĂN QUYẾT**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 9 năm 1968
Số bằng: OK 674 bm Quyết định số: 19/TTga ngày 18 tháng 1 năm 1975

1638 Liệt sĩ: **LÊ VĂN SÓC**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 3 năm 1975
Số bằng: KL 522 bm Quyết định số: 566/TTga ngày 14 tháng 12 năm 1973

1639 Liệt sĩ: **HÀ ĐĂNG HÀNH**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Thành, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 11 năm 1972
Số bằng: RA 703 bm Quyết định số: 175/TTga ngày 8 tháng 5 năm 1976

1640 Liệt sĩ: **LÊ MINH HẢO**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Tân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 12 năm 1969
Số bằng: UL 608 bm Quyết định số: 226/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

1641 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TẠO**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Tân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 2 năm 1972
Số bằng: LS 746 bm Quyết định số: 272/TTga ngày 28 tháng 5 năm 1974

1642 Liệt sĩ: **LÊ KHẮC THUẬN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Tân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 4 năm 1971
Số bằng: ED 533 bm Quyết định số: 98/TTga ngày 20 tháng 3 năm 1973

1643 Liệt sĩ: **NGUYỄN HUY CHIẾN**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Tân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 4 năm 1972
Số bằng: OA 538 bm Quyết định số: 568/TTga ngày 11 tháng 11 năm 1974

1644 Liệt sĩ: **TRẦN XUÂN THẢO**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Tân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 7 năm 1967
Số bằng: CR 985 bm Quyết định số: 454/TTga ngày 4 tháng 11 năm 1972

1645 Liệt sĩ: **NGUYỄN HUY VỤ**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Tân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 10 năm 1970
Số bằng: TK 197 bm Quyết định số: 44/TTga ngày 19 tháng 1 năm 1977

1646 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÔNG LỘNG**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Tân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 3 năm 1975
Số bằng: QI 552 bm Quyết định số: 37/TTga ngày 5 tháng 2 năm 1976

1647 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHÍNH**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Tân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 8 năm 1972
Số bằng: QR 489 bm Quyết định số: 100/TTga ngày 25 tháng 3 năm 1976

1648 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MỘC**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Tân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 1 năm 1966
Số bằng: AP 398 bm Quyết định số: 159/TTga ngày 5 tháng 7 năm 1971

1649 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SINH**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Tân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 4 năm 1974
Số bằng: UP 117 bm Quyết định số: 169/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

1650 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CƠ**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Tân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 4 năm 1971
Số bằng: VL 678 bm Quyết định số: 327/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977

1651 Liệt sĩ: **ĐÀM DUY TÀI**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Tân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 8 năm 1971
Số bằng: SN 669 bm Quyết định số: 520/TTga ngày 17 tháng 11 năm 1976

- 1652 Liệt sĩ: **ĐÀO XUÂN BÀN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Tân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 10 năm 1973
Số bằng: RH 593 bm Quyết định số: 267/TTga ngày 25 tháng 6 năm 1976
- 1653 Liệt sĩ: **ĐOÍ XUÂN CỨ**
Công nhân quốc phòng, Nguyên quán: xã Thọ Tân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 1 năm 1970
Số bằng: HM 343 cm Quyết định số: 208/TTga ngày 20 tháng 8 năm 1971
- 1654 Liệt sĩ: **LÊ HỮU KHÁNH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Tân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 4 năm 1975
Số bằng: UL 481 bm Quyết định số: 206/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977
- 1655 Liệt sĩ: **LÊ THỌ NGÀ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Tân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 11 năm 1974
Số bằng: UA 794 bm Quyết định số: 191/TTga ngày 28 tháng 3 năm 1977
- 1656 Liệt sĩ: **LÊ THỌ THUẬN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Tân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 12 năm 1969
Số bằng: 2Đ 649 bm Quyết định số: 1129/TTga ngày 7 tháng 10 năm 1977
- 1657 Liệt sĩ: **LÊ VĂN MÙI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Tân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 12 năm 1973
Số bằng: UQ 624 bm Quyết định số: 154/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977
- 1658 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN KHUYẾN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Tân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 7 năm 1969
Số bằng: BF 115 bm Quyết định số: 280/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1971
- 1659 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐĂNG THÀNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Tân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 11 năm 1965
Số bằng: IZ 010 bm Quyết định số: 85/TTga ngày 7 tháng 1 năm 1966
- 1660 Liệt sĩ: **NGUYỄN THÌN TUÊ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Tân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 10 năm 1969
Số bằng: YE 012 bm Quyết định số: 356/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977
- 1661 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN YẾN**
Chính trị viên đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Tân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 3 năm 1971
Số bằng: KO 398 bm Quyết định số: 197/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1974

- 1662 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HIỆNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Tân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 2 năm 1968
Số bằng: SE 519 bm Quyết định số: 396/TTga ngày 5 tháng 10 năm 1976
- 1663 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TRONG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Tân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 7 năm 1969
Số bằng: SA 809 bm Quyết định số: 393/TTga ngày 5 tháng 10 năm 1976
- 1664 Liệt sĩ: **TRẦN TẤN HÙNG**
Trợ lý thông tin trung đoàn Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phước Hậu, huyện Châu Thành, tỉnh Vĩnh Long, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 4 năm 1970
Số bằng: LS 832 bm Quyết định số: 268/TTga ngày 28 tháng 5 năm 1974
- 1665 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN TRƯỜNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Tân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 2 năm 1967
Số bằng: EA 210 bm Quyết định số: 77/TTga ngày 10 tháng 3 năm 1973
- 1666 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐĂNG THIỆU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Thế, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 6 năm 1973
Số bằng: TH 825 bm Quyết định số: 586/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1976
- 1667 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THƯỜNG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 8 năm 1969
Số bằng: ĐH 589 bm Quyết định số: 454/TTga ngày 4 tháng 11 năm 1972
- 1668 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THỐM**
Dân công hoả tuyến, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 18 tháng 8 năm 1949
Số bằng: ĐG 669 cp Quyết định số: 279/TTga ngày 4 tháng 9 năm 1997
- 1669 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN HƠN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 11 năm 1965
Số bằng: EH 998 bm Quyết định số: 132/TTga ngày 12 tháng 4 năm 1973
- 1670 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN PHÚ**
Công nhân ty GTVT tỉnh Thanh Hoá, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 7 năm 1972
Số bằng: MM 161 cm Quyết định số: 334/TTga ngày 27 tháng 6 năm 1974
- 1671 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN HÌNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh

Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 27 tháng 07 năm 1950
Số bằng: HA 920 bp Quyết định số: 425/TTga ngày 20 tháng 03 năm 2006

1672 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN XUYỀN**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 8 năm 1972
Số bằng: OG 506 bm Quyết định số: 572/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1974

1673 Liệt sĩ: **MAI XUÂN LẬP**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 5 năm 1968
Số bằng: MI 119 bm Quyết định số: 115/TTga ngày 11 tháng 5 năm 1970

1674 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN LANH**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 10 năm 1972
Số bằng: HI 621 bm Quyết định số: 02/TTga ngày 3 tháng 1 năm 1974

1675 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC HÌNH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1970
Số bằng: PD 902 bm Quyết định số: 342/TTga ngày 31 tháng 8 năm 1975

1676 Liệt sĩ: **NGUYỄN TIẾN THOẠI**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 1 năm 1970
Số bằng: NL 390 bm Quyết định số: 365/TTga ngày 11 tháng 7 năm 1974

1677 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHÍ**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 1 năm 1973
Số bằng: OA 540 bm Quyết định số: 568/TTga ngày 11 tháng 11 năm 1974

1678 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HUÊ**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 11 năm 1968
Số bằng: TK 609 bm Quyết định số: 16/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1977

1679 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGA**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 6 năm 1968
Số bằng: AD 119 bm Quyết định số: 24/TTga ngày 1 tháng 2 năm 1971

1680 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN VINH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 6 năm 1972
Số bằng: LS 720 bm Quyết định số: 272/TTga ngày 28 tháng 5 năm 1974

1681 Liệt sĩ: **PHẠM NGỌC THU**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 5 năm 1972
Số bằng: HP 625 bm Quyết định số: 109/TTga ngày 16 tháng 3 năm 1974

1682 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN CHẤN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 6 năm 1969
Số bằng: UH 726 bm Quyết định số: 116/TTga ngày 4 tháng 3 năm 1977

1683 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN CẦN**

Chính trị viên phó Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 5 năm 1967

Số bằng: ĐL 877 bm Quyết định số: 467/TTga ngày 9 tháng 11 năm 1972

1684 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN GIÁC**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 5 năm 1966
Số bằng: AP 287 bm Quyết định số: 159/TTga ngày 5 tháng 7 năm 1971

1685 Liệt sĩ: **HÀ VĂN HẠNH**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Lễ, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 23 tháng 10 năm 1981
Số bằng: S 824 bt Quyết định số: 397/CTKT ngày 9 tháng 11 năm 1983

1686 Liệt sĩ: **QUÁCH CÔNG SÁU**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Liên, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 10 tháng 3 năm 1979
Số bằng: ĐK 669 bt Quyết định số: 400 Ttga ngày 6 tháng 0 năm 1997

1687 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHÂN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Phúc, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 12 năm 1967
Số bằng: PH 993 bm Quyết định số: 335/TTga ngày 28 tháng 8 năm 1975

1688 Liệt sĩ: **CAO VĂN CẤP**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Thọ, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 1 năm 1969
Số bằng: VL 675 bm Quyết định số: 327 TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977

1689 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN ĐÀO**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phùng Giáo, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp năm 1953
Số bằng: EC 266 bp Quyết định số: 233 TTga ngày 6 tháng 0 năm 1972

1690 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN HAI**

Chính trị viên phó Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Song Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 6 năm 1968

Số bằng: 5G 444 bm Quyết định số: 612/TTga ngày 7 tháng 6 năm 1978

1691 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN HIỂM**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ban Công, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 3 năm 1971

Số bằng: QR 865 bm Quyết định số: 6653/Ttga ngày 10 tháng 4 năm 1976

1692 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TUY**

, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 1 năm 1969

Số bằng: 7L 982 bm Quyết định số: 28/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1979

1693 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN CẬN**

Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 2 năm 1968

Số bằng: AS 505 bm Quyết định số: 208/Ttga ngày 20 tháng 8 năm 1971

1694 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH LOA**

Công nhân, Nguyên quán: xã Thọ Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 5 năm 1966

Số bằng: PM 041 cm Quyết định số: 314/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977

1695 Liệt sĩ: **TRẦN THỊ TÌNH**

Nhân viên tổng đài, Nguyên quán: xã Hoàng Lý, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 5 năm 1969

Số bằng: EM 908 cm Quyết định số: 102/TTga ngày 8 tháng 6 năm 1968

1696 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN KẾT**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phú Thịnh, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 8 năm 1966

Số bằng: AM 173 bm Quyết định số: 35/Ttga ngày 1 tháng 3 năm 1968

1697 Liệt sĩ: **NGUYỄN HUY HÙNG**

Dân công, Nguyên quán: xã Thiệu Nguyên, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 12 năm 1972

Số bằng: LA 190 cm Quyết định số: 481/TTga ngày 6 tháng 11 năm 1973

1698 Liệt sĩ: **TRƯƠNG ĐÌNH HÙNG**

Y tá Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Long, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 5 năm 1966

Số bằng: AM 949 bm Quyết định số: 108/TTga ngày 22 tháng 6 năm 1967

1699 Liệt sĩ: **NGUYỄN KIM DỊCH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Nguyên, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 6 năm 1967

Số bằng: EM 642 bm Quyết định số: 94/TTga ngày 31 tháng 5 năm 1968

1700 Liệt sĩ: **PHẠM HÙNG CƯỜNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Vũ, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh

- Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 0 tháng 0 năm 0
Số bằng: KC 171 bp Quyết định số: 485/TTga ngày 12 tháng 2 năm 1972
- 1701 Liệt sĩ: **LƯƠNG QUANG BÌNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Xuân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 0 tháng 0 năm 1968
Số bằng: ĐM 293 bm Quyết định số: 669/Ttga ngày 8 tháng 2 năm 1997
- 1702 Liệt sĩ: **LƯƠNG NGỌC THANH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Bình, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 0 tháng 6 năm 1978
Số bằng: DT 048 bt Quyết định số: 165/CTKT ngày 1 tháng 9 năm 1992
- 1703 Liệt sĩ: **ĐỖ XUÂN LUẬT**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 12 năm 1954
Số bằng: ZR 555 bm Quyết định số: 02/TTga ngày 2 tháng 1 năm 1960
- 1704 Liệt sĩ: **ĐỖ HỒNG THÙNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 2 năm 1967
Số bằng: IM 123 bm Quyết định số: 180/TTga ngày 1 tháng 10 năm 1968
- 1705 Liệt sĩ: **HÀ VĂN THƯỢNG**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Lư, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 8 năm 1972
Số bằng: HT 574 bm Quyết định số: 455 TTga ngày 23 tháng 10 năm 1973
- 1706 Liệt sĩ: **LỮ VĂN SƯƠNG**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Xuân, huyện Quan Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 11 năm 1969
Số bằng: QI 602 bm Quyết định số: 37 TTga ngày 5 tháng 2 năm 1976
- 1707 Liệt sĩ: **NGÂN VĂN SÁO**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Sơn Thủy, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 8 năm 1947
Số bằng: ZD 576 kp Quyết định số: 16 TTga ngày 4 tháng 2 năm 1964
- 1708 Liệt sĩ: **VI VĂN ƯƠNG**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Sơn Thủy, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 3 năm 1972
Số bằng: QV 842 bm Quyết định số: 177 TTga ngày 8 tháng 5 năm 1976
- 1709 Liệt sĩ: **LÒ VĂN ẾU**
Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Tam Lư, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 10 năm 1951
Số bằng: ZD 552 kp Quyết định số: 16 TTga ngày 4 tháng 2 năm 1964
- 1710 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU QUYNH**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Hoàng Anh, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 4 năm 1967
Số bằng: UH 616 bm Quyết định số: 117 TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

1711 Liệt sĩ: **NGÔ ĐĂNG TRÒ**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 0 tháng 0 năm 1951
Số bằng: ZT 304 bp Quyết định số: 102 TTga ngày 5 tháng 5 năm 1960

1712 Liệt sĩ: **LÊ SỸ TOÀN**

Thanh niên xung phong, Nguyên quán: xã Hoàng Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 4 năm 1970
Số bằng: NM 235 cm Quyết định số: 51 TTga ngày 4 tháng 2 năm 1975

1713 Liệt sĩ: **LÊ KHẮC ỨNG**

Chiên sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 7 năm 1954

Số bằng: ZT 327 bp Quyết định số: 102 TTga ngày 5 tháng 5 năm 1960

1714 Liệt sĩ: **LÊ TRỌNG HOÀN**

Y tá Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 12 năm 1969
Số bằng: YM 844 cm Quyết định số: 780 TTga ngày 30 tháng 7 năm 1977

1715 Liệt sĩ: **LÊ QUÝ NGỌC**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Hoàng Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 10 năm 1973
Số bằng: QR 726 bm Quyết định số: 100 TTga ngày 25 tháng 3 năm 1976

1716 Liệt sĩ: **LÊ CHÍ THAO**

Chiên sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 29 tháng 1 năm 1985
Số bằng: AT 590 bt Quyết định số: 289 CTKT ngày 24 tháng 7 năm 1985

1717 Liệt sĩ: **LÊ CHÍ TÍCH**

Chiên sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 5 năm 1954

Số bằng: ZT 270 bp Quyết định số: 102 TTga ngày 5 tháng 5 năm 1960

1718 Liệt sĩ: **TRẦN CÔNG BAN**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoàng Giang, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1965
Số bằng: HZ 915 bm Quyết định số: 85 TTga ngày 4 tháng 7 năm 1966

1719 Liệt sĩ: **ĐỒNG KHẮC HIỀN**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam , Nguyên quán: xã Vạn Thiện, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 8 năm 1970

Số bằng: KL 081 bm Quyết định số: 36 TTga ngày 26 tháng 1 năm 1974

1720 Liệt sĩ: **ĐOÀN VĂN MINH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Công Liêm, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 9 năm 1969
Số bằng: VO 283 bm Quyết định số: 439 TTga ngày 16 tháng 5 năm 1977

1721 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH TRUNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trường Trung, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 3 năm 1954

Số bằng: ZU 278 bp Quyết định số: 128/TTga ngày 10 tháng 6 năm 1960

1722 Liệt sĩ: **ĐỖ THẾ LAN**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Ngọc, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 11 năm 1970
Số bằng: ON 948 bm Quyết định số: 65 TTga ngày 21 tháng 2 năm 1975

1723 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN BÔNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Vịnh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 9 năm 1967
Số bằng: IM 106 bm Quyết định số: 180 TTga ngày 1 tháng 10 năm 1968

1724 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN DIỄN**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Vịnh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 10 năm 1972
Số bằng: OP 339 bm Quyết định số: 20 TTga ngày 18 tháng 1 năm 1975

1725 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN NAM**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Nga Vịnh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 3 năm 1953
Số bằng: ZA 805 kp Quyết định số: 226/TTga ngày 5 tháng 5 năm 1958

1726 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN KIẾN**

Dân công, Nguyên quán: xã Nga Vịnh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 8 năm 1972
Số bằng: MM 404 cm Quyết định số: 455 TTga ngày 9 tháng 9 năm 1974

1727 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TẬP**

Thanh niên xung phong, Nguyên quán: xã Nga Vịnh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 11 năm 1967
Số bằng: AM 569 cm Quyết định số: 72 TTga ngày 4 tháng 4 năm 1968

1728 Liệt sĩ: **ĐỖ VĂN MINH**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Thanh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 1 năm 1970
Số bằng: VO 276 bm Quyết định số: 439 TTga ngày 16 tháng 5 năm 1977

1729 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC DƠ**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Thiện, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 10 tháng 6 năm 1977
Số bằng: 3Đ 826 bt Quyết định số: 1573 TTga ngày 23 tháng 11 năm 1977

1730 Liệt sĩ: **LÒ VĂN BỪNG**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Yên Khương, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 5 năm 1952
Số bằng: ZB 2,009 kp Quyết định số: 329 TTga ngày 1 tháng 9 năm 1959

1731 Liệt sĩ: **LÒ VĂN ONG**

Đội viên du kích, Nguyên quán: xã Yên Khương, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 6 năm 1954
Số bằng: ZB 2,012 kp Quyết định số: 329 TTga ngày 1 tháng 9 năm 1959

1732 Liệt sĩ: **BÙI TIẾN HOÀNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạch Đồng, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 17 tháng 12 năm 1950
Số bằng: ZR 514 bp Quyết định số: 02 TTga ngày 2 tháng 1 năm 1960

1733 Liệt sĩ: **TRỊNH ĐÌNH DẬU**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Long, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 12 năm 1952
Số bằng: EC 299 bp Quyết định số: 234 TTga ngày 10 tháng 6 năm 1972

1734 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MẠO**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Công, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 5 năm 1967
Số bằng: IM 234 bm Quyết định số: 179 TTga ngày 1 tháng 10 năm 1968

1735 Liệt sĩ: **BÙI HỮU CỪ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Vinh, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 9 năm 1967
Số bằng: MI 614 bm Quyết định số: 139 TTga ngày 8 tháng 6 năm 1970

1736 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN SON**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Vân, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 10 năm 1952
Số bằng: EZ 492 bp Quyết định số: 142 TTga ngày 9 tháng 1 năm 1963

1737 Liệt sĩ: **LÊ THANH ĐỒNG**

Cán bộ kinh tài trung ương cục, Nguyên quán: xã Tân Phú Hưng, huyện Ngọc Hiến, tỉnh Bạc Liêu, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 0 tháng 0 năm 1961
Số bằng: AC 337 cm Quyết định số: 213/CTKT ngày 20 tháng 6 năm 1984

1738 Liệt sĩ: **BÙI VĂN TIÊU**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trung, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 8 năm 1965

Số bằng: HZ 975 bm Quyết định số: 85/TTga ngày 7 tháng 1 năm 1966

- 1739 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THUẬN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cao Ngọc, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 5 năm 1969
Số bằng: BP 276 bm Quyết định số: 62/TTga ngày 21 tháng 2 năm 1972
- 1740 Liệt sĩ: **LƯỠNG VĂN PHÚ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Sơn, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 1 năm 1968
Số bằng: BF 160 bm Quyết định số: 280/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1971
- 1741 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THẮNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vân Am, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 3 tháng 8 năm 1988
Số bằng: CG 648 bt Quyết định số: 142/CTKT ngày 10 tháng 7 năm 1989
- 1742 Liệt sĩ: **LÊ HỮU PHÁT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 0 tháng 0 năm 1950
Số bằng: EC 212 bp Quyết định số: 234/TTga ngày 10 tháng 6 năm 1972
- 1743 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH VỰC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 4 năm 1954
Số bằng: ZT 340 bp Quyết định số: 102/TTga ngày 5 tháng 5 năm 1960
- 1744 Liệt sĩ: **CÙ VĂN THẢO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 15 tháng 9 năm 1981
Số bằng: ĐK 660 bt Quyết định số: 400/TTga ngày 10 tháng 6 năm 1997
- 1745 Liệt sĩ: **PHẠM XUÂN PHÚ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 12 năm 1973
Số bằng: RH 504 bm Quyết định số: 261/TTga ngày 23 tháng 6 năm 1976
- 1746 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HÀO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 13 tháng 3 năm 1953
Số bằng: ZT 141 bp Quyết định số: 091/TTga ngày 11 tháng 4 năm 1960
- 1747 Liệt sĩ: **NGUYỄN TIẾN TIẾN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Bồi Cầu, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 10 năm 1949
Số bằng: ZR 605 bp Quyết định số: 02/TTga ngày 2 tháng 1 năm 1960
- 1748 Liệt sĩ: **LÊ THỌ TÁM**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Tân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh

Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 9 năm 1972
Số bằng: YE 044 bm Quyết định số: 356/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

1749 Liệt sĩ: **LÊ THỊ TIÊU**

Dân công, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 04 năm 1954
Số bằng: HA 940 cp Quyết định số: 425/TTga ngày 20 tháng 03 năm 2006

1750 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HUÂN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 2 năm 1971
Số bằng: ĐL 951 bm Quyết định số: 467/TTga ngày 9 tháng 11 năm 1972

1751 Liệt sĩ: **LÊ NHƯ CHUNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 12 năm 1949
Số bằng: EC 629 bp Quyết định số: 703/TTga ngày 09 tháng 07 năm 1999

1752 Liệt sĩ: **LÊ HUY TUYẾN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 2 năm 1951
Số bằng: ZQ 837 bp Quyết định số: 176/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1959

1753 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN THÍNH**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1972
Số bằng: KL 607 bm Quyết định số: 568/TTga ngày 14 tháng 12 năm 1973

1754 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN TRUYỀN**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hợp Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 27 tháng 3 năm 1980
Số bằng: 7AA 359 bt Quyết định số: 77/CTKT ngày 4 tháng 11 năm 1981

1755 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN KỶ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Tiến, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 11 năm 1969
Số bằng: RH 556 bm Quyết định số: 261/TTga ngày 23 tháng 6 năm 1976

1756 Liệt sĩ: **LÊ HỮU GIAO**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 6 năm 1972
Số bằng: PK 744 bm Quyết định số: 359/TTga ngày 9 tháng 9 năm 1975

1757 Liệt sĩ: **LÊ HỮU THỰC**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 10 năm 1952
Số bằng: ZR 630 bp Quyết định số: 02/TTga ngày 2 tháng 1 năm 1960

1758 Liệt sĩ: **LÊ HOÀ ĐÌNH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 5 tháng 6 năm 1951
Số bằng: DZ 624 bp Quyết định số: 327/TTga ngày 12 tháng 19 năm 1962

1759 Liệt sĩ: **LÊ HOÀ ĐẠT**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 7 tháng 1 năm 1950
Số bằng: ZL 315 bp Quyết định số: 283/TTga ngày 6 tháng 1 năm 1958

1760 Liệt sĩ: **LÊ HOÀ BÌNH**

Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 0 tháng 0 năm 1952
Số bằng: ĐG 641 bp Quyết định số: 279/TTga ngày 4 tháng 9 năm 1997

1761 Liệt sĩ: **TRỊNH XUÂN TÁC**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 2 năm 1968
Số bằng: OB 399 bm Quyết định số: 71/TTga ngày 27 tháng 2 năm 1975

1762 Liệt sĩ: **TRỊNH XUÂN VƯỢNG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 6 năm 1972
Số bằng: PR 029 bm Quyết định số: 342/TTga ngày 31 tháng 8 năm 1975

1763 Liệt sĩ: **LÊ VĂN VIỆT**

Kiểm lâm viên, Nguyên quán: xã Thọ Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 18 tháng 01 năm 1995
Số bằng: EE 171 ct Quyết định số: 237/TTga ngày 15 tháng 03 năm 2000

1764 Liệt sĩ: **ĐOÀN ĐỨC HIẾU**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 5 năm 1966
Số bằng: AM 942 bm Quyết định số: 108/TTga ngày 22 tháng 6 năm 1967

1765 Liệt sĩ: **LÊ VĂN KỆCH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 1 năm 1952
Số bằng: ZR 522 bp Quyết định số: 02/TTga ngày 2 tháng 1 năm 1960

1766 Liệt sĩ: **LÊ VĂN LĂNG**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 11 năm 1952

Số bằng: YZ 673 bp Quyết định số: 1191/TTga ngày 12 tháng 22 năm 1956

1767 Liệt sĩ: **NGUYỄN NHƯNG VIÊN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Tân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 10 năm 1950
Số bằng: ZT 900 bp Quyết định số: 125/TTga ngày 7 tháng 6 năm 1960

- 1768 Liệt sĩ: **LÊ THỌ Ý**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Tân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 11 năm 1953
Số bằng: ZT 911 bp Quyết định số: 125/TTga ngày 7 tháng 6 năm 1960
- 1769 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG BẰNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Tân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 3 năm 1961
Số bằng: EZ 416 bm Quyết định số: 135/TTga ngày 7 tháng 1 năm 1963
- 1770 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN DUYÊN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 3 năm 1954
Số bằng: ZT 767 bp Quyết định số: 125/TTga ngày 7 tháng 6 năm 1960
- 1771 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG TÀI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 4 năm 1954
Số bằng: ZR 587 bp Quyết định số: 02/TTga ngày 2 tháng 1 năm 1960
- 1772 Liệt sĩ: **PHẠM ĐỨC DUYỆT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 12 năm 1952
Số bằng: ZR 501 bp Quyết định số: 02/TTga ngày 2 tháng 1 năm 1960
- 1773 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN THẢ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thọ Ngọc, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 2 năm 1955
Số bằng: ZR 617 bm Quyết định số: 02/TTga ngày 2 tháng 1 năm 1960
- 1774 Liệt sĩ: **LÊ PHƯƠNG HÙNG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Đô, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 4 năm 1954
Số bằng: YZ 334 bp Quyết định số: 1191/TTga ngày 12 tháng 22 năm 1956
- 1775 Liệt sĩ: **PHẠM NGỌC DUYÊN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Liên, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 1 năm 1967
Số bằng: EM 667 bm Quyết định số: 94/TTga ngày 31 tháng 5 năm 1968
- 1776 Liệt sĩ: **HOÀNG NGỌC HƠN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Dương, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 12 năm 1969
Số bằng: BP 206 bm Quyết định số: 62/TTga ngày 21 tháng 2 năm 1972
- 1777 Liệt sĩ: **DƯƠNG PHÚ KHÔI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Dương, huyện Thiệu Hóa, tỉnh

Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 5 năm 1954

Số bằng: CZ 351 bp Quyết định số: 481/TTGa ngày 12 tháng 13 năm 1961

1778 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC SẴNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Lĩnh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 13 tháng 4 năm 1953

Số bằng: ZU 356 bp Quyết định số: 130/TTGa ngày 15 tháng 6 năm 1960

1779 Liệt sĩ: **BÙI VĂN TRƯỜNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Tiến, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 0 tháng 12 năm 1978

Số bằng: DD 590 bt Quyết định số: 158/CTKT ngày 8 tháng 8 năm 1992

1780 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN MỘNG**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lạc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 1 năm 1973

Số bằng: VO 290 bm Quyết định số: 439/TTGa ngày 16 tháng 5 năm 1977

1781 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC THỨ**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Hưng, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 1 năm 1971

Số bằng: GR 963 bm Quyết định số: 519/TTGa ngày 29 tháng 11 năm 1973

1782 Liệt sĩ: **NGÔ XUÂN DẬU**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên Quán: xã Đông Hải, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 14 tháng 2 năm 1979

Số bằng: 8X 537 bt Quyết định số: 744/TTGa ngày 27 tháng 10 năm 1979

1783 Liệt sĩ: **TRỊNH HUY HOAN**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Minh, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 7 năm 1965

Số bằng: HZ 949 bm Quyết định số: 85/TTGa ngày 7 tháng 1 năm 1966

1784 Liệt sĩ: **TRỊNH DUY HÂN**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Minh, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 4 năm 1970

Số bằng: ĐR 337 bm Quyết định số: 05/TTGa ngày 6 tháng 1 năm 1973

1785 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN PHÚC**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 2 năm 1968

Số bằng: SM 173 bm Quyết định số: 194/TTGa ngày 14 tháng 11 năm 1969

1786 Liệt sĩ: **TRẦN MINH VỆ**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên Quán: xã Đông Hải, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 1 năm 1974

Số bằng: OS 761 bm Quyết định số: 148/TTGa ngày 24 tháng 4 năm 1975

- 1787 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN MIỀN**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Công, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 8 năm 1972
Số bằng: LA 664 bm Quyết định số: 237/TTga ngày 14 tháng 5 năm 1974
- 1788 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN BẢO**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Công, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 3 năm 1968
Số bằng: BA 228 bm Quyết định số: 249/TTga ngày 15 tháng 10 năm 1971
- 1789 Liệt sĩ: **ĐỖ HÙNG KHÁI**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Công, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 7 năm 1973
Số bằng: LH 111 bm Quyết định số: 104/TTga ngày 14 tháng 3 năm 1974
- 1790 Liệt sĩ: **BÙI NGỌC VINH**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Công, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 2 năm 1968
Số bằng: UK 359 bm Quyết định số: 166/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977
- 1791 Liệt sĩ: **ĐÀO DUY LUẬN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Công, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 24 tháng 3 năm 1995
Số bằng: ĐM 318 bt Quyết định số: 669/TTg ngày 8 tháng 2 năm 1997
- 1792 Liệt sĩ: **BÙI NGỌC HÙNG**
Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Công, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 19 tháng 1 năm 1984
Số bằng: BR 080 bt Quyết định số: 249/CTKT ngày 10 tháng 28 năm 1987
- 1793 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ĐỒNG**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Công, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 8 năm 1968
Số bằng: OT 548 bm Quyết định số: 105/TTga ngày 26 tháng 3 năm 1975
- 1794 Liệt sĩ: **BÙI VĂN KÝ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Công, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 7 năm 1966
Số bằng: UQ 253 bm Quyết định số: 223/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977
- 1795 Liệt sĩ: **BÙI CÔNG THẮNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Công, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 11 năm 1971
Số bằng: LS 868 bm Quyết định số: 275/TTga ngày 29 tháng 5 năm 1974
- 1796 Liệt sĩ: **BÙI VĂN HON**
Công nhân công trường Sầm Nưa, Nguyên quán: xã Định Công, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 9 tháng 8 năm 1976
Số bằng: I 374 bt Quyết định số: 104/CTKT ngày 23 tháng 3 năm 1983

- 1797 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THỌ**
Dân quân, Nguyên quán: xã Định Công, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 5 năm 1972
Số bằng: bm 425 km Quyết định số: 212/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1974
- 1798 Liệt sĩ: **ĐỖ ĐỨC NHUẬN**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Công, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 6 năm 1968
Số bằng: HI 050 bm Quyết định số: 487/TTga ngày 8 tháng 11 năm 1973
- 1799 Liệt sĩ: **BÙI VĂN MIỀNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Công, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 7 tháng 1 năm 1979
Số bằng: 9Y 109 bt Quyết định số: 706/TTga ngày 12 tháng 11 năm 1980
- 1800 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN NAM**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Công, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 8 tháng 7 năm 1978
Số bằng: 8O 623 bt Quyết định số: 506/TTga ngày 9 tháng 7 năm 1979
- 1801 Liệt sĩ: **ĐỖ ĐỨC THỌ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Công, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 7 năm 1968
Số bằng: OR 028 bm Quyết định số: 23/TTga ngày 21 tháng 1 năm 1975
- 1802 Liệt sĩ: **NGUYỄN VIỆT NAM**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Công, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 12 năm 1971
Số bằng: OV 862 bm Quyết định số: 165/TTga ngày 9 tháng 5 năm 1975
- 1803 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HIỀN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Công, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 3 tháng 1 năm 1979
Số bằng: 6AA 094 bt Quyết định số: 302/TTga ngày 9 tháng 7 năm 1981
- 1804 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CÔNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Công, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 2 năm 1969
Số bằng: GC 459 bm Quyết định số: 283/TTga ngày 6 tháng 7 năm 1973
- 1805 Liệt sĩ: **MAI VĂN TIẾP**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Công, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 7 năm 1970
Số bằng: YE 092 bm Quyết định số: 356/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977
- 1806 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN ĐÊN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Công, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 3 năm 1966

Số bằng: IZ 355 bm Quyết định số: 166/TTga ngày 11 tháng 23 năm 1966

1807 Liệt sĩ: **ĐỖ ÔN CHUNG**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Công, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 6 năm 1971

Số bằng: LS 957 bm Quyết định số: 275/TTga ngày 29 tháng 5 năm 1974

1808 Liệt sĩ: **ĐỖ QUỐC HUY**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Công, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 9 năm 1972

Số bằng: UO 603 bm Quyết định số: 174/ TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

1809 Liệt sĩ: **VŨ MINH SƠN**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Tiến, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 12 năm 1974

Số bằng: UP 179 bm Quyết định số: 169/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

1810 Liệt sĩ: **CAO XUÂN HY**

Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Tiến, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 9 năm 1972

Số bằng: KL 077 bm Quyết định số: 36/TTga ngày 26 tháng 1 năm 1974

1811 Liệt sĩ: **KHUƠNG VĂN KIÊN**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Tiến, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 12 năm 1971

Số bằng: HP 325 bm Quyết định số: 14/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1974

1812 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NHỊ**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Tiến, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1973

Số bằng: UR 008 bm Quyết định số: 204/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

1813 Liệt sĩ: **LÊ TRỌNG TẤN**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Tiến, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 6 năm 1972

Số bằng: GL 610 bm Quyết định số: 424/TTga ngày 29 tháng 9 năm 1973

1814 Liệt sĩ: **ĐÀO VĂN VANG**

Chính trị viên phó Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Tiến, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 5 năm 1968

Số bằng: GS 467 bm Quyết định số: 473/TTga ngày 1 tháng 11 năm 1973

1815 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LUÂN**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Tiến, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 3 năm 1970

Số bằng: GC 579 bm Quyết định số: 283/TTga ngày 6 tháng 7 năm 1973

- 1816 Liệt sĩ: **NGUYỄN MẠNH HỒNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Tiến, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 5 năm 1968
Số bằng: MI 140 bm Quyết định số: 115/TTga ngày 11 tháng 5 năm 1970
- 1817 Liệt sĩ: **NGUYỄN MINH THỨC**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Thành, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 5 năm 1972
Số bằng: TH 895 bm Quyết định số: 586/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1976
- 1818 Liệt sĩ: **NGUYỄN VIỆT THUẬN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Thành, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 8 năm 1970
Số bằng: AV 922 bm Quyết định số: 270/TTga ngày 18 tháng 11 năm 1970
- 1819 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN THÊU**
Công nhân lái xe, Nguyên quán: xã Định Thành, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 5 năm 1972
Số bằng: LA 337 cm Quyết định số: 486/TTga ngày 8 tháng 11 năm 1973
- 1820 Liệt sĩ: **HOÀNG NGỌC NGUYỄN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Thành, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 20 tháng 10 năm 1975
Số bằng: TG 557 bt Quyết định số: 46/TTga ngày 19 tháng 1 năm 1977
- 1821 Liệt sĩ: **NGÔ QUANG THANH**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Thành, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 2 năm 1971
Số bằng: ĐH 500 bm Quyết định số: 449/TTga ngày 28 tháng 10 năm 1972
- 1822 Liệt sĩ: **NGUYỄN DUY BAN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Thành, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 4 năm 1954
Số bằng: ZM 655 bp Quyết định số: 483/TTg ngày 3 tháng 11 năm 1958
- 1823 Liệt sĩ: **LÊ BÁ TỰ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Tăng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 0 tháng 5 năm 1954
Số bằng: EC 228 bp Quyết định số: 234/TTga ngày 10 tháng 6 năm 1972
- 1824 Liệt sĩ: **LÊ HỮU CẢNH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Tăng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 8 năm 1968
Số bằng: MZ 553 bm Quyết định số: 36/TTga ngày 11 tháng 2 năm 1971
- 1825 Liệt sĩ: **LÊ THỊ NHUNG**
Dân công, Nguyên quán: xã Định Tăng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 11 năm 1971
Số bằng: LA 546 cm Quyết định số: 16/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1974

- 1826 Liệt sĩ: **LÊ VĂN ĐỨC**
Công nhân công trường 217, Nguyên quán: xã Định Tăng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 6 năm 1969
Số bằng: EM 481 cm Quyết định số: 134/TTga ngày 8 tháng 6 năm 1970
- 1827 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CHÂM**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Tăng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 11 năm 1973
Số bằng: PN 598 bm Quyết định số: 337/TTga ngày 28 tháng 8 năm 1975
- 1828 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CHI**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Tăng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 4 năm 1972
Số bằng: KD 498 bm Quyết định số: 508/TTga ngày 20 tháng 11 năm 1973
- 1829 Liệt sĩ: **LÊ VĂN KHOA**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Tăng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 4 năm 1972
Số bằng: QĐ 311 bm Quyết định số: 474/TTga ngày 5 tháng 12 năm 1975
- 1830 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NHÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Tăng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 6 năm 1972
Số bằng: GR 149 bm Quyết định số: 427/TTga ngày 29 tháng 9 năm 1973
- 1831 Liệt sĩ: **LÊ VĂN PHIÊN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Tăng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 4 năm 1975
Số bằng: 2K 064 bm Quyết định số: 1313/TTga ngày 24 tháng 10 năm 1977
- 1832 Liệt sĩ: **LÊ VĂN AN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Tăng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 4 năm 1969
Số bằng: UG 707 bm Quyết định số: 150/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977
- 1833 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TUY**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Tăng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1968
Số bằng: EA 161 bm Quyết định số: 77/TTga ngày 10 tháng 3 năm 1973
- 1834 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN HẰNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Tăng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 4 năm 1975
Số bằng: SE 515 bm Quyết định số: 396/TTga ngày 5 tháng 10 năm 1976
- 1835 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN NGHĨA**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Tăng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 5 năm 1972

Số bằng: LA 700 bm Quyết định số: 237/TTga ngày 14 tháng 5 năm 1974

1836 Liệt sĩ: **LƯU MẠNH CHUYỀN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Tăng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 6 năm 1969
Số bằng: GR 965 bm Quyết định số: 519/TTga ngày 29 tháng 11 năm 1973

1837 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NÚI**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Tăng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 8 năm 1971
Số bằng: UO 466 bm Quyết định số: 240/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

1838 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SINH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Tăng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 12 tháng 12 năm 1978
Số bằng: 9R 803 bt Quyết định số: 492/TTga ngày 18 tháng 7 năm 1980

1839 Liệt sĩ: **TRẦN NGUYỄN BÍCH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Tăng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 3 năm 1970
Số bằng: PK 686 bm Quyết định số: 359/TTga ngày 9 tháng 9 năm 1975

1840 Liệt sĩ: **TRỊNH VĂN CÔNG**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Tăng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 5 năm 1967
Số bằng: MZ 561 bm Quyết định số: 36/TTga ngày 11 tháng 2 năm 1971

1841 Liệt sĩ: **TRỊNH VĂN CỬ**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Tăng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 1 năm 1973
Số bằng: PS 669 bm Quyết định số: 388/TTga ngày 27 tháng 9 năm 1975

1842 Liệt sĩ: **TRỊNH TRUNG NHUNG**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Lạc, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 2 năm 1972
Số bằng: RB 950 bm Quyết định số: 208/TTga ngày 28 tháng 5 năm 1976

1843 Liệt sĩ: **TRỊNH ĐÌNH KHÉO**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Lạc, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 3 năm 1971
Số bằng: RB 861 bm Quyết định số: 208/TTga ngày 28 tháng 5 năm 1976

1844 Liệt sĩ: **TRỊNH ĐÌNH LUẬN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Lạc, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 4 năm 1968
Số bằng: OA 453 bm Quyết định số: 568/TTga ngày 11 tháng 11 năm 1974

1845 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN ĐÀN**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Lạc, huyện Yên Định, tỉnh Thanh

Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 12 năm 1966
Số bằng: UP 394 bm Quyết định số: 175/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

1846 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KIÊM**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hải, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 7 năm 1972
Số bằng: HA 505 bm Quyết định số: 477/TTga ngày 6 tháng 11 năm 1973

1847 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HỘI**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hải, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 3 năm 1966
Số bằng: MZ 618 bm Quyết định số: 36/TTga ngày 11 tháng 2 năm 1971

1848 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN THỰC**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hải, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 1 năm 1968
Số bằng: GC 551 bm Quyết định số: 283/TTga ngày 6 tháng 7 năm 1973

1849 Liệt sĩ: **TRỊNH MINH GIÁC**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hải, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 12 năm 1973
Số bằng: ON 883 bm Quyết định số: 57/TTga ngày 17 tháng 2 năm 1975

1850 Liệt sĩ: **LÊ HOÀC THANH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hải, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 12 năm 1967
Số bằng: EA 233 bm Quyết định số: 77/TTga ngày 10 tháng 3 năm 1973

1851 Liệt sĩ: **TRỊNH VĂN KHIÊN**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hải, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 10 năm 1974
Số bằng: PH 717 bm Quyết định số: 282/TTga ngày 22 tháng 7 năm 1975

1852 Liệt sĩ: **TRỊNH KHẮC DƯỢC**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hải, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 5 năm 1972
Số bằng: NP 899 bm Quyết định số: 415/TTga ngày 15 tháng 8 năm 1974

1853 Liệt sĩ: **TRỊNH VĂN TẢO**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hải, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 4 năm 1972
Số bằng: UP 918 bm Quyết định số: 184/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

1854 Liệt sĩ: **VŨ VĂN LỘC**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hải, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 3 năm 1975
Số bằng: PS 854 bm Quyết định số: 377/TTga ngày 23 tháng 9 năm 1975

1855 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HUYỀN**

- Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Thái, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 5 năm 1969
Số bằng: EA 075 bm Quyết định số: 68/TTga ngày 27 tháng 2 năm 1973
- 1856 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THỌ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Thái, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 12 năm 1970
Số bằng: UK 830 bm Quyết định số: 227/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977
- 1857 Liệt sĩ: **TRỊNH ĐÌNH THỨC**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Thái, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 7 năm 1972
Số bằng: UO 212 bm Quyết định số: 152/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977
- 1858 Liệt sĩ: **TRỊNH HUY HOÀNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Thái, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 1 năm 1969
Số bằng: ED 708 bm Quyết định số: 110/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1973
- 1859 Liệt sĩ: **TRỊNH TRUNG THUẬN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Thái, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 11 năm 1966
Số bằng: AL 899 bm Quyết định số: 85/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1971
- 1860 Liệt sĩ: **TRỊNH TRỌNG TUÝ**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Thái, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 1 năm 1973
Số bằng: NT 034 bm Quyết định số: 416/TTga ngày 17 tháng 8 năm 1974
- 1861 Liệt sĩ: **LÊ THANH BÌNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Thái, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 19 tháng 4 năm 1983
Số bằng: BB 798 bt Quyết định số: 83/CTKT ngày 3/ tháng 9/ năm 1986
- 1862 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐĂNG KHÍCH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Thái, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 11 năm 1971
Số bằng: LS 857 bm Quyết định số: 268/TTga ngày 28 tháng 5 năm 1974
- 1863 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BAN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Thái, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 5 năm 1968
Số bằng: BA 223 bm Quyết định số: 249/TTga ngày 15 tháng 10 năm 1971
- 1864 Liệt sĩ: **TRỊNH NGỌC NGƯỠNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Thái, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 6 năm 1968
Số bằng: CY 937 bm Quyết định số: 419/TTga ngày 5 tháng 10 năm 1972

- 1865 Liệt sĩ: **LÊ VĂN VÊ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Thái, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 9 năm 1972
Số bằng: SE 187 bm Quyết định số: 397/TTga ngày 5 tháng 10 năm 1976
- 1866 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN Y**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Thái, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 8 năm 1969
Số bằng: ĐL 962 bm Quyết định số: 467/TTga ngày 9 tháng 11 năm 1972
- 1867 Liệt sĩ: **LÊ VĂN BÓN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Thái, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 4 năm 1969
Số bằng: HB 149 bm Quyết định số: 481/TTga ngày 6 tháng 11 năm 1973
- 1868 Liệt sĩ: **TRỊNH ĐÌNH KIM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Thái, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 10 năm 1972
Số bằng: UQ 196 bm Quyết định số: 223/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977
- 1869 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THƯỜNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Thái, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 6 năm 1969
Số bằng: MP 126 bm Quyết định số: 208/TTga ngày 3 tháng 9 năm 1970
- 1870 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TUỆ**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Thái, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 10 năm 1970
Số bằng: UP 750 bm Quyết định số: 201/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977
- 1871 Liệt sĩ: **TRỊNH ĐÌNH TUYẾN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Thái, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 5 năm 1971
Số bằng: NT 037 bm Quyết định số: 416/TTga ngày 17 tháng 8 năm 1974
- 1872 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH ÁN**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Thái, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 3 năm 1971
Số bằng: ĐL 860 bm Quyết định số: 467/TTga ngày 9 tháng 11 năm 1972
- 1873 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN CĂN**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Thành, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 6 năm 1972
Số bằng: KV 424 bm Quyết định số: 152/TTga ngày 11 tháng 4 năm 1974
- 1874 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN ĐƯỜNG**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Thành, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 3 năm 1973
Số bằng: ON 843 bm Quyết định số: 57/TTga ngày 17 tháng 2 năm 1975

- 1875 Liệt sĩ: **TRỊNH XUÂN CHÍNH**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Thành, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 11 năm 1971
 Số bằng: LS 945 bm Quyết định số: 275/TTga ngày 29 tháng 5 năm 1974
- 1876 Liệt sĩ: **LÊ HUY HÙNG**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Tường, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 7 năm 1970
 Số bằng: GR 851 bm Quyết định số: 519/TTga ngày 29 tháng 11 năm 1973
- 1877 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH PHI**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Tường, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 12 năm 1969
 Số bằng: UA 660 bm Quyết định số: 162/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977
- 1878 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH HUY**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Tường, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 11 năm 1972
 Số bằng: UO 602 bm Quyết định số: 174/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977
- 1879 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TU**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Tường, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 2 năm 1968
 Số bằng: AG 260 bm Quyết định số: 59/TTga ngày 8 tháng 3 năm 1971
- 1880 Liệt sĩ: **ĐÌNH QUANG GAN**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Trường, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 9 năm 1972
 Số bằng: HA 468 bm Quyết định số: 477/TTga ngày 6 tháng 11 năm 1973
- 1881 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH GIA**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Tường, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 3 năm 1974
 Số bằng: RH 276 bm Quyết định số: 261/TTga ngày 23 tháng 6 năm 1976
- 1882 Liệt sĩ: **ĐỖ SĨ THẢO**
 Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Hợp, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 26 tháng 4 năm 1980
 Số bằng: 7AA 377 bt Quyết định số: 77/CTKT ngày 4 tháng 11 năm 1981
- 1883 Liệt sĩ: **LÊ DUY HÙNG**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Tường, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 5 năm 1968
 Số bằng: MZ 628 bm Quyết định số: 36/TTga ngày 11 tháng 2 năm 1971
- 1884 Liệt sĩ: **DƯƠNG KHẮC HIỀN**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Minh, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 10 năm 1972

Số bằng: KV 602 bm Quyết định số: 147/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1974

1885 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH BÍCH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Tường, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 11 năm 1967

Số bằng: AV 457 bm Quyết định số: 264/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1971

1886 Liệt sĩ: **BÙI VĂN LỢI**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hưng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 12 năm 1970

Số bằng: VT 827 bm Quyết định số: 351/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977

1887 Liệt sĩ: **TRỊNH ĐÌNH HẢI**

Phó đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hưng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 16 tháng 8 năm 1987

Số bằng: CD 919 bt Quyết định số: 05/CTKT ngày 1 tháng 1 năm 1989

1888 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN RUỘNG**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hưng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 4 năm 1974

Số bằng: PD 992 bm Quyết định số: 342/TTga ngày 31 tháng 8 năm 1975

1889 Liệt sĩ: **TRỊNH ĐÌNH OANH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hưng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 5 năm 1966

Số bằng: OD 681 bm Quyết định số: 571/TTga ngày 15 tháng 11 năm 1974

1890 Liệt sĩ: **TRỊNH ĐÌNH THẮNG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hưng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 3 năm 1968

Số bằng: UO 342 bm Quyết định số: 178/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

1891 Liệt sĩ: **TRỊNH ĐÌNH HOAN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hưng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 5 năm 1972

Số bằng: TY 900 bm Quyết định số: 203/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

1892 Liệt sĩ: **BÙI VĂN LOAN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hoà, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 8 năm 1971

Số bằng: ĐN 764 bm Quyết định số: 482/TTga ngày 1 tháng 12 năm 1972

1893 Liệt sĩ: **LÊ KHẮC BÊ**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hoà, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 4 năm 1972

Số bằng: HA 307 bm Quyết định số: 472/TTga ngày 1 tháng 11 năm 1973

1894 Liệt sĩ: **LÊ NGỌC CHÀNH**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hoà, huyện Yên Định, tỉnh Thanh

Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 7 năm 1974
Số bằng: PN 602 bm Quyết định số: 337/TTga ngày 28 tháng 8 năm 1975

1895 Liệt sĩ: **LÊ TIỀN SOẠN**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hoà, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 8 năm 1969
Số bằng: EA 125 bm Quyết định số: 77/TTga ngày 10 tháng 3 năm 1973

1896 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CA**

Đại úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hoà, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 11 tháng 5 năm 1984
Số bằng: AM 031 bt Quyết định số: 13/CTKT ngày 9 tháng 1 năm 1985

1897 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TÀI**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hoà, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 11 năm 1973
Số bằng: UK 978 bm Quyết định số: 245/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

1898 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THIỆP**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hoà, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 0 tháng 5 năm 1954
Số bằng: ZT 955 bp Quyết định số: 125/TTg ngày 7 tháng 6 năm 1960

1899 Liệt sĩ: **LÊ ĐỨC CHÍ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Thái, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 5 năm 1967
Số bằng: IM 144 bm Quyết định số: 180/TTga ngày 1 tháng 10 năm 1968

1900 Liệt sĩ: **NGUYỄN NHƯ LONG**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Thành, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 1 năm 1975
Số bằng: RH 250 bm Quyết định số: 261/TTga ngày 23 tháng 6 năm 1976

1901 Liệt sĩ: **TRỊNH ĐÌNH DUYỄN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hưng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 5 năm 1951
Số bằng: ZT 765 bp Quyết định số: 125/TTg ngày 6 tháng 1 năm 1960

1902 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN SOẠN**

Công nhân công ty sông biển Thanh Hóa, Nguyên quán: xã Quảng Tường, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 4 năm 1966
Số bằng: CM 737 cm Quyết định số: 113/TTga ngày 18 tháng 7 năm 1969

1903 Liệt sĩ: **LƯU XUÂN TÁU**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Tăng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 4 năm 1971
Số bằng: PS 948 bm Quyết định số: 395/TTga ngày 30 tháng 9 năm 1975

1904 Liệt sĩ: **TRỊNH QUỐC TUẤN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hải, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1967
Số bằng: BE 233 bm Quyết định số: 265/TTGa ngày 11 tháng 11 năm 1971

1905 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUANG ĐỐC**

Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Khánh, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 10 năm 1972
Số bằng: LA 902 cm Quyết định số: 212/TTGa ngày 4 tháng 5 năm 1974

1906 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN CHÂU**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Trung, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 7 năm 1973
Số bằng: UH 728 bm Quyết định số: 116/TTGa ngày 4 tháng 3 năm 1977

1907 Liệt sĩ: **LƯƠNG NHƯ HUÂN**

Cán bộ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Lai Thành, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 1 năm 1946
Số bằng: ZP 168 bp Quyết định số: 518/TTg ngày 12 tháng 2 năm 1958

1908 Liệt sĩ: **MAI VĂN TRÚNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Trường, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp tháng 10 năm 1951
Số bằng: ZB 676 bp Quyết định số: 170/TTg ngày 4 tháng 3 năm 1957

1909 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU CƯƠNG**

Tự vệ, Nguyên quán: xã Thiệu Thành, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 20 tháng 5 năm 1946
Số bằng: ZA 960 kp Quyết định số: 283/TTg ngày 6 tháng 6 năm 1958

1910 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN VÕ**

Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Thầy Mỹ, huyện Thủ Đức Sài Gòn Gia định, tỉnh Cần Thơ, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 10 năm 1966
Số bằng: 7L 989 bm Quyết định số: 28/TTGa ngày 8 tháng 1 năm 1979

1911 Liệt sĩ: **VŨ VĂN CÔN**

Thôn đội trưởng xã Nga Thủy, Nguyên quán: xã Nga Thủy, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 10 năm 1949
Số bằng: ZB 2,753 kp Quyết định số: 02/TTGa ngày 1 tháng 2 năm 1960

1912 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN QUỚI**

Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hải Lĩnh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 2 năm 1966
Số bằng: AM 979 bm Quyết định số: 108/TTGa ngày 22 tháng 6 năm 1967

1913 Liệt sĩ: **TRỊNH VĂN TÀN**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cầu Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 4 năm 1968
Số bằng: MK 683 bm Quyết định số: 2596/TTGa ngày 1 tháng 12 năm 1969

- 1914 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN KHANG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Anh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 4 năm 1967
Số bằng: ZM 788 Quyết định số: 38/TTga ngày 11 tháng 12 năm 1971
- 1915 Liệt sĩ: **VŨ DUY KHUO**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Quang, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 0 tháng 0 năm 0
Số bằng: KC 167 bp Quyết định số: 485/TTga ngày 12 tháng 2 năm 1972
- 1916 Liệt sĩ: **ĐỖ XUÂN DƯƠNG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Quang, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 17 tháng 7 năm 1954
Số bằng: ZD 640 bp Quyết định số: 171/TTga ngày 23 tháng 4 năm 1957
- 1917 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH LIÊM**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Vân, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 10 năm 1969
Số bằng: VT 812 bm Quyết định số: 351/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1977
- 1918 Liệt sĩ: **LÊ QUANG THÀNH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Quang, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 11 năm 1967
Số bằng: LM 891 bm Quyết định số: 249/TTga ngày 1 tháng 7 năm 1975
- 1919 Liệt sĩ: **LÊ QUANG KỊCH**
Y tá Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Giang, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 5 năm 1967
Số bằng: LM 071 bm Quyết định số: 217/TTga ngày 28 tháng 11 năm 1968
- 1920 Liệt sĩ: **TRỊNH CÔNG KHANH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Giang, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 4 năm 1969
Số bằng: UL 472 Quyết định số: 206/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977
- 1921 Liệt sĩ: **TRẦN BÁ DƯƠNG**
Dân công làm đường, Nguyên quán: xã Hoằng Anh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 8 năm 1966
Số bằng: cm Quyết định số: 189/TTga ngày 5 tháng 11 năm 1969
- 1922 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU QUANG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Anh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 12 năm 1972
Số bằng: QP 627 bm Quyết định số: 121/TTga ngày 10 tháng 4 năm 1976
- 1923 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NIỆM**
Cán bộ tỉnh Nghĩa Bình, Nguyên quán: xã Nhơn Hoà, huyện Nghĩa Bình, Nghĩa Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 0 tháng 0 năm 1964

Số bằng: AC 343 cm Quyết định số: 213/CTKT ngày 20 tháng 6 năm 1984

1924 Liệt sĩ: **NGUYỄN HUY VÕI**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Xóm Mai Khu Hàm Rồng, Tx Thanh Hóa, Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 5 năm 1972

Số bằng: KS 695 bm Quyết định số: 216/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1974

1925 Liệt sĩ: **NGUYỄN THẾ PHƯƠNG**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hương, thị xã Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 7 năm 1970

Số bằng: UA 792 bm Quyết định số: 169/TTga ngày 28 tháng 3 năm 1977

1926 Liệt sĩ: **NGUYỄN THẾ DUYÊN**

Trung úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Khu Nam Ngạn, Thị xã Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 1 năm 1967

Số bằng: 8I 055 bm Quyết định số: 368/TTga ngày 23 tháng 5 năm 1979

1927 Liệt sĩ: **LÊ NGỌC CƯƠNG**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Phúc, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 11 năm 1969

Số bằng: VL 699 bm Quyết định số: 327/TTga ngày 20 tháng 4 năm 1977

1928 Liệt sĩ: **NGUYỄN SỸ QUYẾN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Tân Sơn, huyện Nhân Hưng, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 4 tháng 4 năm 1954

Số bằng: ZP 276 bp Quyết định số: 001/TTg ngày 5 tháng 1 năm 1959

1929 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÁ HÙNG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Đông Thọ, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 11 năm 1971

Số bằng: GX 302 bm Quyết định số: 433/TTga ngày 4 tháng 10 năm 1973

1930 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUỐC NGHIÊM**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hưng, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 10 năm 1967

Số bằng: BG 215 bm Quyết định số: 13/TTga ngày 6 tháng 1 năm 1972

1931 Liệt sĩ: **LÊ NGỌC VINH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hương, Thị xã Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 6 năm 1967

Số bằng: LM 804 bm Quyết định số: 19/TTga ngày 11 tháng 2 năm 1969

1932 Liệt sĩ: **BÙI KIM ĐÌNH**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Thành, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 26 tháng 12 năm 1952

Số bằng: DZ 648 bp Quyết định số: 327/TTga ngày 12 tháng 19 năm 1962

1933 Liệt sĩ: **TRẦN ĐĂNG HOA**

Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thạnh Phú, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 9 năm 1972
Số bằng: YV 085 bm Quyết định số: 521/TTga ngày 3 tháng 6 năm 1977

1934 Liệt sĩ: **LƯƠNG CÔNG DIỄN**

Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hải An, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 3 năm 1969
Số bằng: BF 077 bm Quyết định số: 280/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1971

1935 Liệt sĩ: **TRỊNH HUY LÂN**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Vĩnh Ninh, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 5 năm 1973
Số bằng: 3AA 764 bm Quyết định số: 138/TTga ngày 15 tháng 4 năm 1981

1936 Liệt sĩ: **LƯƠNG CÔNG ĐỒNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cát Sơn, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 3 năm 1972
Số bằng: HI 605 bm Quyết định số: 02/TTga ngày 3 tháng 1 năm 1974

1937 Liệt sĩ: **LƯƠNG CÔNG BÌNH**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cát Sơn, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 2 năm 1973
Số bằng: RA 595 bm Quyết định số: 175/TTga ngày 8 tháng 5 năm 1976

1938 Liệt sĩ: **LƯƠNG TÚ NGHINH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Anh Sơn, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 10 năm 1952
Số bằng: GI 706 bp Quyết định số: 57/QĐ-TTg ngày 08 tháng 01 năm 2004

1939 Liệt sĩ: **PHAN HUY ĐỀ**

Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hải Ninh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 4 năm 1969
Số bằng: AG 185 bm Quyết định số: 59/TTga ngày 8 tháng 3 năm 1971

1940 Liệt sĩ: **ĐỒNG PHÚC QUỲNH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hải Thượng, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 8 tháng 2 năm 1985
Số bằng: CA 352 bt Quyết định số: 139/CTKT ngày 6 tháng 2 năm 1988

1941 Liệt sĩ: **TRỊNH ĐÌNH LÂM**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hải Lĩnh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 7 năm 1970
Số bằng: UL 047 bm Quyết định số: 151/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

1942 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH BẮP**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hải Ninh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 2 năm 1973
Số bằng: OP 296 bm Quyết định số: 20/TTga ngày 18 tháng 1 năm 1975

- 1943 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH NGỌ**
 Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hải Ninh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 6 năm 1968
 Số bằng: SM 113 bm Quyết định số: 194/TTga ngày 14 tháng 11 năm 1969
- 1944 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HUỆ**
 Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hải Ninh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 12 năm 1973
 Số bằng: UO 590 bm Quyết định số: 240/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977
- 1945 Liệt sĩ: **LƯƠNG VĂN DẦN**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hải Ninh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 4 năm 1970
 Số bằng: CĐ 751 bm Quyết định số: 213/TTga ngày 1 tháng 6 năm 1972
- 1946 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN KHANG**
 Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hải Ninh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 16 tháng 5 năm 1981
 Số bằng: 8AA 182 bt Quyết định số: 43/CTKT ngày 17 tháng 3 năm 1982
- 1947 Liệt sĩ: **VŨ HỮU NGỌT**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hải Ninh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày tháng 3 năm 1951
 Số bằng: GI 729 bp Quyết định số: 57/QĐ-TTg ngày 08 tháng 01 năm 2004
- 1948 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN ĐÃI**
 Công nhân ty Giao thông vận tải Thanh Hoá, Nguyên quán: xã Hải Thanh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 4 năm 1967
 Số bằng: CM 681 cm Quyết định số: 113/TTga ngày 18 tháng 7 năm 1969
- 1949 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KHÁU**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hải Thanh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 1 năm 1970
 Số bằng: GS 366 bm Quyết định số: 473/TTga ngày 1 tháng 11 năm 1973
- 1950 Liệt sĩ: **LƯƠNG ĐÌNH TUÂN**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Lĩnh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 10 năm 1970
 Số bằng: SN 630 bm Quyết định số: 520/TTga ngày 17 tháng 11 năm 1976
- 1951 Liệt sĩ: **LƯƠNG ĐÌNH CẢNH**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Lĩnh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 9 năm 1968
 Số bằng: UQ 082 bm Quyết định số: 202/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977
- 1952 Liệt sĩ: **LÊ VĂN DẦN**
 Dân quân, Nguyên quán: xã Ngọc Lĩnh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 7 năm 1972
 Số bằng: bm 474 km Quyết định số: 393/TTga ngày 30 tháng 7 năm 1974

- 1953 Liệt sĩ: **TRƯƠNG QUỐC AN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Lan, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 9 năm 1966
Số bằng: QS 002 bm Quyết định số: 114/TTga ngày 3 tháng 4 năm 1976
- 1954 Liệt sĩ: **LÊ ĐĂNG NGUỘI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hải Lĩnh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 0 tháng 0 năm 1955
Số bằng: DO 024 bm Quyết định số: 766/TTg ngày 19 tháng 12 năm 1994
- 1955 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH TOÀN**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Cát, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 5 tháng 5 năm 1981
Số bằng: D 592 bt Quyết định số: 051/CTKT ngày 18 tháng 2 năm 1983
- 1956 Liệt sĩ: **LÊ NGỌC LIÊN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Lĩnh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 7 năm 1969
Số bằng: ĐR 562 bm Quyết định số: 09/TTga ngày 16 tháng 1 năm 1973
- 1957 Liệt sĩ: **CAO VĂN DIỆU**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tĩnh Hải, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 5 năm 1972
Số bằng: NP 308 bm Quyết định số: 381/TTga ngày 22 tháng 7 năm 1974
- 1958 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH VƯƠNG**
Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Triệu Dương, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 12 năm 1971
Số bằng: GX 631 bm Quyết định số: 486/TTga ngày 8 tháng 11 năm 1973
- 1959 Liệt sĩ: **LÊ VĂN NGUYỄN**
Dân công chống Pháp, Nguyên quán: xã Triệu Dương, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 21 tháng 1 năm 1952
Số bằng: AO 825 cp Quyết định số: 113/CTKT ngày 27 tháng 3 năm 1985
- 1960 Liệt sĩ: **LÊ NGỌC MỘC**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tân Trường, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 1 năm 1973
Số bằng: UQ 601 bm Quyết định số: 154/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977
- 1961 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH KHANG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trúc Lâm, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 2 năm 1970
Số bằng: HP 338 bm Quyết định số: 14/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1974
- 1962 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN CĂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trúc Lâm, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh

Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 3 năm 1971
Số bằng: DB 076 bm Quyết định số: 387/TTga ngày 19 tháng 9 năm 1972

1963 Liệt sĩ: **TRỊNH VĂN THÊ**

Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoà Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 1 năm 1975
Số bằng: UO 086 bm Quyết định số: 191/TTga ngày 28 tháng 3 năm 1977

1964 Liệt sĩ: **LƯƠNG ĐÌNH Ý**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thanh Thuỷ, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 0 tháng 6 năm 1952
Số bằng: BK 155 bp Quyết định số: 07/CTKT ngày 7 tháng 1 năm 1986

1965 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGUỒN**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trường Lâm, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 12 năm 1968
Số bằng: UA 928 bm Quyết định số: 222/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

1966 Liệt sĩ: **LÊ VĂN BI**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trường Lâm, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 10 năm 1971
Số bằng: NA 674 bm Quyết định số: 298/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1974

1967 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN LEN**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tùng Lâm, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1968
Số bằng: TH 962 bm Quyết định số: 30/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1977

1968 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH ĐỨC**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tùng Lâm, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1965
Số bằng: MZ 590 bm Quyết định số: 36/TTga ngày 11 tháng 2 năm 1971

1969 Liệt sĩ: **NGUYỄN THANH VÂN**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Lĩnh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 6 năm 1973
Số bằng: LH 221 bm Quyết định số: 104/TTga ngày 14 tháng 3 năm 1974

1970 Liệt sĩ: **VŨ TRỌNG TRUYỀN**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nguyên Bình, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 4 năm 1972
Số bằng: LT 546 bm Quyết định số: 336/TTga ngày 28 tháng 6 năm 1974

1971 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TOÀN**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nguyên Bình, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 9 tháng 2 năm 1980
Số bằng: 1AA 605 bt Quyết định số: 06/TTga ngày 9 tháng 1 năm 1981

1972 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐĂNG ĐIỀU**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hải Nhân, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 12 năm 1967
Số bằng: TK 476 bm Quyết định số: 31/TTGa ngày 11 tháng 1 năm 1977

1973 Liệt sĩ: **LÊ VĂN TÂM**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hải Nhân, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 4 năm 1970
Số bằng: 3N 808 bm Quyết định số: 112/TTGa ngày 13 tháng 2 năm 1978

1974 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THÀNH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hải Nhân, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 8 năm 1974
Số bằng: UO 381 bm Quyết định số: 178/TTGa ngày 22 tháng 3 năm 1977

1975 Liệt sĩ: **HÀ TRỌNG DÂN**

Trợ lý chính trị tiểu đoàn Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hải Nhân, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 12 năm 1973
Số bằng: QS 050 bm Quyết định số: 114/TTGa ngày 3 tháng 4 năm 1976

1976 Liệt sĩ: **NGUYỄN BÁ TÍNH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hải Nhân, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 1 năm 1970
Số bằng: BE 228 bm Quyết định số: 265/TTGa ngày 11 tháng 11 năm 1971

1977 Liệt sĩ: **VŨ TRỌNG HIỀN**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hải Nhân, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 6 năm 1971
Số bằng: RA 708 bm Quyết định số: 175/TTGa ngày 8 tháng 5 năm 1976

1978 Liệt sĩ: **LÊ ĐẠI HÙNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hải Nhân, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 3 năm 1975
Số bằng: TK 626 bm Quyết định số: 16/TTGa ngày 8 tháng 1 năm 1977

1979 Liệt sĩ: **MAI VĂN CÚC**

Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hải Nhân, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 12 năm 1972
Số bằng: HI 964 bm Quyết định số: 574/TTGa ngày 19 tháng 12 năm 1973

1980 Liệt sĩ: **LÊ NGỌC THANH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hải Nhân, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 10 năm 1971
Số bằng: GC 205 bm Quyết định số: 251/TTGa ngày 21 tháng 6 năm 1973

1981 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU SƠN**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hải Nhân, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 9 năm 1969
Số bằng: HI 844 bm Quyết định số: 10/TTGa ngày 4 tháng 1 năm 1974

- 1982 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN ÁM**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hải Nhân, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 2 năm 1972
Số bằng: TK 508 bm Quyết định số: 31/TTGa ngày 11 tháng 1 năm 1977
- 1983 Liệt sĩ: **LÊ HỮU BÁU**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hải Nhân, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 12 năm 1969
Số bằng: ĐR 457 bm Quyết định số: 09/TTGa ngày 16 tháng 1 năm 1973
- 1984 Liệt sĩ: **LÊ HỒNG CẢNH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hải Nhân, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 12 năm 1974
Số bằng: UQ 083 bm Quyết định số: 202/TTGa ngày 29 tháng 3 năm 1977
- 1985 Liệt sĩ: **LÊ MINH NHUNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hải Nhân, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 2 năm 1968
Số bằng: OS 832 bm Quyết định số: 148/TTGa ngày 24 tháng 4 năm 1975
- 1986 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH NGUYỄN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Trung Thành, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 11 năm 1968
Số bằng: BF 150 bm Quyết định số: 280/TTGa ngày 30 tháng 11 năm 1971
- 1987 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HỐI**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ninh Hải, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 11 năm 1972
Số bằng: 2Đ 898 bm Quyết định số: 1187 TTGa ngày 12 tháng 10 năm 1977
- 1988 Liệt sĩ: **LÊ VĂN XOAN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ninh Hải, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 0 tháng 2 năm 1974
Số bằng: DM 562 bm Quyết định số: 206/TTG ngày 2 tháng 5 năm 1994
- 1989 Liệt sĩ: **LẠI SỸ KIẾN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Anh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 1 năm 1968
Số bằng: BF 110 bm Quyết định số: 280/TTGa ngày 30 tháng 11 năm 1971
- 1990 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HUỆ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Tân, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 4 năm 1971
Số bằng: ED 710 bm Quyết định số: 110/TTGa ngày 29 tháng 3 năm 1973
- 1991 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN UẨN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Tân, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 12 năm 1968

Số bằng: UP 306 bm Quyết định số: 171/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

1992 Liệt sĩ: **NGUYỄN CHÍ TOÀN**

Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Long, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 16 tháng 2 năm 1979

Số bằng: 9N 313 bt Quyết định số: 243/TTga ngày 7 tháng 4 năm 1980

1993 Liệt sĩ: **LÊ QUANG LÔ**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Long, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1968

Số bằng: KL 406 bm Quyết định số: 566/TTga ngày 14 tháng 12 năm 1973

1994 Liệt sĩ: **ĐỖ HỮU BẰNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tiên Động, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 3 năm 1954

Số bằng: ZR 161 bp Quyết định số: 02/TTg ngày 2 tháng 1 năm 1960

1995 Liệt sĩ: **HOÀNG NGỌC SƠN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Vinh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 7 năm 1965

Số bằng: HZ 961 bm Quyết định số: 85/TTga ngày 7 tháng 1 năm 1966

1996 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HỒNG**

Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Vinh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 8 năm 1972

Số bằng: KL 092 bm Quyết định số: 36/TTga ngày 26 tháng 1 năm 1974

1997 Liệt sĩ: **HOÀNG NGỌC VỞ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Vinh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 0 tháng 5 năm 1952

Số bằng: ZR 121 bp Quyết định số: 02/TTg ngày 2 tháng 1 năm 1960

1998 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN HẢI**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Tiểu khu Ba Đình, Thị xã Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 12 năm 1971

Số bằng: NA 720 bm Quyết định số: 298/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1974

1999 Liệt sĩ: **ĐỒNG HỮU TIẾP**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Quảng Thắng, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 12 năm 1969

Số bằng: UK 926 bm Quyết định số: 245/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

2000 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC BÔNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: tiểu khu Nam Ngạn, thị xã Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1970

Số bằng: TK 277 bm Quyết định số: 569/TTga ngày 24 tháng 12 năm 1976

2001 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN HỮU**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: tiểu khu Nam Ngạn, thị xã Thanh Hóa,

tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 26 tháng 8 năm 1979

Số bằng: 9N 002 bt Quyết định số: 208/TTga ngày 19 tháng 3 năm 1980

2002 Liệt sĩ: **NGÔ THỊ THỎ**

Đoàn viên đoàn xếp dỡ, Nguyên quán: tiểu khu Nam Ngạn, thị xã Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 6 năm 1972

Số bằng: LA 317 cm Quyết định số: 486/TTga ngày 8 tháng 11 năm 1973

2003 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN KHANG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Lộc, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 21 tháng 3 năm 1979

Số bằng: 9R 600 bt Quyết định số: 493/TTga ngày 18 tháng 7 năm 1980

2004 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN DÂN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: thôn Cốc Hạ, Thị xã Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 11 năm 1972

Số bằng: HR 216 bm Quyết định số: 454/TTga ngày 23 tháng 10 năm 1973

2005 Liệt sĩ: **MỸ DUY MẠU**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Nhân, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 8 năm 1973

Số bằng: PG 090 bm Quyết định số: 250/TTga ngày 1 tháng 7 năm 1975

2006 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Minh Lộc, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 11 năm 1970

Số bằng: GK 529 bm Quyết định số: 372/TTga ngày 23 tháng 8 năm 1973

2007 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU MÃO**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Tiến, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 10 năm 1973

Số bằng: TK 221 bm Quyết định số: 44/TTga ngày 19 tháng 1 năm 1977

2008 Liệt sĩ: **NGUYỄN NHƯ ĐAN**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Kim, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 4 năm 1975

Số bằng: SE 207 bm Quyết định số: 397/TTga ngày 5 tháng 10 năm 1976

2009 Liệt sĩ: **BÙI XUÂN HỒNG**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đa Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 8 năm 1970

Số bằng: LS 816 bm Quyết định số: 268/TTga ngày 28 tháng 5 năm 1974

2010 Liệt sĩ: **ĐÀO XUÂN THƠ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đa Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 5 năm 1972

Số bằng: GD 601 bm Quyết định số: 325/TTga ngày 28 tháng 7 năm 1973

- 2011 Liệt sĩ: **NGUYỄN QUỐC CƯỜNG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ngọc Khê, huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 1 năm 1973
Số bằng: OK 026 bm Quyết định số: 616/TTga ngày 10 tháng 12 năm 1974
- 2012 Liệt sĩ: **LÊ VĂN KIỀU**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Anh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 12 năm 1968
Số bằng: RH 561 bm Quyết định số: 261/TTga ngày 23 tháng 6 năm 1976
- 2013 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CÀN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Anh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 2 năm 1971
Số bằng: UC 494 bm Quyết định số: 215/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977
- 2014 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN CHÉN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Anh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 6 năm 1954
Số bằng: BI 540 cm Quyết định số: 10/CTKT ngày 7 tháng 1 năm 1986
- 2015 Liệt sĩ: **LÊ VĂN ĐƯỜNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Anh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 4 năm 1972
Số bằng: HA 100 bm Quyết định số: 415/TTga ngày 26 tháng 9 năm 1973
- 2016 Liệt sĩ: **LÊ TRỌNG NGŨ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Anh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 6 năm 1970
Số bằng: UA 924 Quyết định số: 222/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977
- 2017 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BỤI**
Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Quang, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 0 tháng 0 năm 1951
Số bằng: MC 625 bp Quyết định số: 109/TTga ngày 3 tháng 7 năm 1975
- 2018 Liệt sĩ: **LÊ VĂN BẠN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Anh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 9 năm 1970
Số bằng: ES 587 bm Quyết định số: 207/TTga ngày 31 tháng 5 năm 1973
- 2019 Liệt sĩ: **LÊ DUY ĐO**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Anh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 2 năm 1969
Số bằng: LK 612 bm Quyết định số: 342/TTga ngày 2 tháng 7 năm 1974
- 2020 Liệt sĩ: **LÊ VĂN LAN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Anh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 7 năm 1972

Số bằng: UP 089

Quyết định số: 169/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

2021 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN MAI**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Anh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 8 năm 1969

Số bằng: ĐK 222 bm Quyết định số: 444/TTga ngày 25 tháng 10 năm 1972

2022 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU QUANG**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Anh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 12 năm 1972

Số bằng: QP 627 bm Quyết định số: 121/TTga ngày 10 tháng 4 năm 1976

2023 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HÒA**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Anh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 1 tháng 1 năm 1952

Số bằng: CK 157 bp Quyết định số: 485/TTga ngày 2 tháng 12 năm 1972

2024 Liệt sĩ: **ĐỖ ĐÌNH SOAN**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Ngọc, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 2 năm 1968

Số bằng: ST 033 bm Quyết định số: 32/TTga ngày 11 tháng 1 năm 1977

2025 Liệt sĩ: **HOÀNG NGỌC CÔN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Hợp, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 5 năm 1972

Số bằng: NA 709 bm Quyết định số: 298/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1974

2026 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGỰ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Chính, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 1 năm 1952

Số bằng: YZ 394 bp Quyết định số: 1191/TTga ngày 22 tháng 12 năm 1956

2027 Liệt sĩ: **THIỆU ĐÌNH SỨC**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thành Công, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 8 năm 1945

Số bằng: ZB 3,901 kp Quyết định số: 28/TTg ngày 1 tháng 9 năm 1961

2028 Liệt sĩ: **LÊ VĂN BÔNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Tâm, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 10 năm 1972

Số bằng: NU 303 bm Quyết định số: 477/TTga ngày 21 tháng 9 năm 1974

2029 Liệt sĩ: **NGUYỄN NGỌC KIÊM**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Tâm, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 9 năm 1974

Số bằng: GĐ 523 bm Quyết định số: 325/TTga ngày 28 tháng 7 năm 1973

- 2030 Liệt sĩ: **NGUYỄN TÔN CAU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Tâm, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 8 năm 1967
Số bằng: TĐ 075 bm Quyết định số: 540/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1976
- 2031 Liệt sĩ: **LÊ VIỆT GIANG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Long, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1972
Số bằng: KV 569 bm Quyết định số: 147/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1974
- 2032 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH THỦY**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Giao, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 14 tháng 10 năm 1986
Số bằng: BQ 906 bt Quyết định số: 243/CTKT ngày 21 tháng 10 năm 1987
- 2033 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HÒA**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Thành, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 2 tháng 10 năm 1979
Số bằng: SN 971 bt Quyết định số: 208/TTga ngày 19 tháng 3 năm 1980
- 2034 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU TUỖ**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Chính, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 4 năm 1971
Số bằng: ĐR 257 bm Quyết định số: 05/TTga ngày 6 tháng 1 năm 1973
- 2035 Liệt sĩ: **ĐỖ TRỌNG THẮNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Tân, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 19 tháng 4 năm 1983
Số bằng: AK 654 bt Quyết định số: 426/CTKT ngày 12 tháng 12 năm 1984
- 2036 Liệt sĩ: **ĐỖ ĐÌNH THUẬT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Tân, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 11 năm 1967
Số bằng: UO 138 bm Quyết định số: 191/TTga ngày 28 tháng 3 năm 1977
- 2037 Liệt sĩ: **LÊ VĂN VIỆT**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Toán, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 4 năm 1972
Số bằng: HR 340 bm Quyết định số: 454/TTga ngày 23 tháng 10 năm 1973
- 2038 Liệt sĩ: **TRỊNH NGỌC CHƯ**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Công, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 9 năm 1969
Số bằng: OG 746 bm Quyết định số: 617/TTga ngày 10 tháng 12 năm 1974
- 2039 Liệt sĩ: **TRỊNH XUÂN TIÊM**
Quân y sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thượng Lâm, huyện Mỹ Đức, tỉnh Hà Tây, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 2 năm 1968
Số bằng: MS 692 bm Quyết định số: 231/TTga ngày 15 tháng 12 năm 1969

- 2040 Liệt sĩ: **LÊ ĐÌNH LONG**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Quang, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 9 năm 1968
Số bằng: GX 748 bm Quyết định số: 487/TTga ngày 8 tháng 11 năm 1973
- 2041 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN HOÀNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đa Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 1 năm 1979
Số bằng: 9R 541 bm Quyết định số: 493/TTga ngày 18 tháng 7 năm 1980
- 2042 Liệt sĩ: **LÊ HỮU KÍNH**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Liên, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 9 năm 1972
Số bằng: OK 725 bm Quyết định số: 19/TTga ngày 18 tháng 1 năm 1975
- 2043 Liệt sĩ: **TRỊNH XUÂN VINH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đình Long, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 12 năm 1971
Số bằng: UK 358 bm Quyết định số: 166/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977
- 2044 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HUÂN**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Công, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 1 năm 1973
Số bằng: HR 254 bm Quyết định số: 454/TTga ngày 23 tháng 10 năm 1973
- 2045 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BÌNH**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Công, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 5 năm 1972
Số bằng: LS 500 bm Quyết định số: 264/TTga ngày 25 tháng 5 năm 1974
- 2046 Liệt sĩ: **BÙI HUY CÀN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Công, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 2 năm 1974
Số bằng: PK 696 bm Quyết định số: 359/TTga ngày 9 tháng 9 năm 1975
- 2047 Liệt sĩ: **LƯU VĂN KHÊ**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Tăng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 4 năm 1968
Số bằng: BE 150 bm Quyết định số: 265/TTga ngày 11 tháng 11 năm 1971
- 2048 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐỨC BÊ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Lạc, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 6 năm 1971
Số bằng: NA 673 bm Quyết định số: 298/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1974
- 2049 Liệt sĩ: **TRỊNH NGỌC BÍCH**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Lâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 12 năm 1972

Số bằng: HT 134 bm Quyết định số: 445/TTga ngày 16 tháng 10 năm 1973

2050 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HOÀ**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hải, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 8 năm 1973

Số bằng: NA 744 bm Quyết định số: 298/TTga ngày 13 tháng 6 năm 1974

2051 Liệt sĩ: **NGUYỄN HUY NĂM**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hải, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 11 năm 1969

Số bằng: PD 971 bm Quyết định số: 342/TTga ngày 31 tháng 8 năm 1975

2052 Liệt sĩ: **NGUYỄN THANH CHUNG**

Tiểu đoàn trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hải, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 10 tháng 12 năm 1978

Số bằng: 80 469 bt Quyết định số: 509/TTga ngày 9 tháng 7 năm 1979

2053 Liệt sĩ: **ĐỖ KHẮC THỨC**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Tường, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 11 năm 1971

Số bằng: SE 859 bm Quyết định số: 516/TTga ngày 17 tháng 11 năm 1976

2054 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN OANH**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hưng, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 11 năm 1974

Số bằng: UG 742 bm Quyết định số: 150/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

2055 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH VÒNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Lạc, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 1 năm 1968

Số bằng: OT 110 bm Quyết định số: 79/TTga ngày 6 tháng 3 năm 1975

2056 Liệt sĩ: **TRỊNH XUÂN SƠN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Bái, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 5 năm 1968

Số bằng: EK 744 bm Quyết định số: 177/TTga ngày 11 tháng 5 năm 1973

2057 Liệt sĩ: **NGÔ HOÀNG NGHĨA**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hoà, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 8 năm 1974

Số bằng: UA 850 bm Quyết định số: 191/TTga ngày 28 tháng 3 năm 1977

2058 Liệt sĩ: **NGÔ NGỌC THỜI**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hoà, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 6 năm 1968

Số bằng: BL 102 bm Quyết định số: 37/TTga ngày 27 tháng 1 năm 1972

2059 Liệt sĩ: **NGÔ VĂN HỖ**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hoà, huyện Yên Định, tỉnh Thanh

Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 3 năm 1968
Số bằng: CY 868 bm Quyết định số: 419/TTga ngày 5 tháng 10 năm 1972

2060 Liệt sĩ: **NGÔ QUANG NĂM**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hoà, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 5 năm 1968
Số bằng: ĐL 992 bm Quyết định số: 467/TTga ngày 9 tháng 11 năm 1972

2061 Liệt sĩ: **NGÔ XUÂN DUYÊN**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hoà, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 22 tháng 2 năm 1981
Số bằng: A 026 bt Quyết định số: 252/CTKT ngày 8 tháng 9 năm 1982

2062 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HIỀN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hoà, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 1 năm 1968
Số bằng: 8I 064 bm Quyết định số: 368/TTga ngày 23 tháng 5 năm 1979

2063 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU CHÍN**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hoà, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 1 năm 1968
Số bằng: MZ 824 bm Quyết định số: 38/TTga ngày 11 tháng 2 năm 1971

2064 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THAO**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hoà, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 3 năm 1975
Số bằng: QK 954 bm Quyết định số: 28/TTga ngày 29 tháng 1 năm 1976

2065 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN BÔI**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hoà, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 11 năm 1965
Số bằng: BA 237 bm Quyết định số: 249/TTga ngày 15 tháng 10 năm 1971

2066 Liệt sĩ: **PHẠM XUÂN HẬU**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hoà, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 1 năm 1968
Số bằng: OT 152 bm Quyết định số: 79/TTga ngày 6 tháng 3 năm 1975

2067 Liệt sĩ: **VŨ HOÀNG HẠNH**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hoà, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 5 năm 1966
Số bằng: UL 649 bm Quyết định số: 226/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

2068 Liệt sĩ: **VŨ VĂN QUY**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hoà, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 8 năm 1967
Số bằng: BE 206 bm Quyết định số: 265/TTga ngày 11 tháng 11 năm 1971

2069 Liệt sĩ: **VŨ XUÂN BANG**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hoà, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 3 năm 1967
Số bằng: BP 004 bm Quyết định số: 54/TTga ngày 9 tháng 2 năm 1972

2070 Liệt sĩ: **VŨ XUÂN TOÀN**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hoà, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 6 năm 1970
Số bằng: OĐ 299 bm Quyết định số: 517/TTga ngày 7 tháng 10 năm 1974

2071 Liệt sĩ: **TRỊNH HOÀI KIÊN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hoà, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 4 năm 1975
Số bằng: UQ 162 bm Quyết định số: 223/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

2072 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN MẠO**

Công nhân ty Giao thông vận tải tỉnh Thanh Hoá, Nguyên quán: xã Định Hoà, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 1 năm 1973
Số bằng: MM 121 cm Quyết định số: 334/TTga ngày 27 tháng 6 năm 1974

2073 Liệt sĩ: **LÊ TIỀN THÁI**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hoà, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 12 năm 1970
Số bằng: ĐH 498 bm Quyết định số: 449/TTga ngày 28 tháng 10 năm 1972

2074 Liệt sĩ: **LÊ VĂN CỬ**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hoà, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 12 năm 1973
Số bằng: ON 829 bm Quyết định số: 57/TTga ngày 17 tháng 2 năm 1975

2075 Liệt sĩ: **LÊ ĐỨC NHÂN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hoà, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 3 năm 1975
Số bằng: QI 676 bm Quyết định số: 37/TTga ngày 5 tháng 2 năm 1976

2076 Liệt sĩ: **PHẠM NGỌC CƠ**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hoà, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 2 năm 1969
Số bằng: HI 959 bm Quyết định số: 574/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1973

2077 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN VINH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hoà, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 7 năm 1968
Số bằng: ĐH 523 bm Quyết định số: 449/TTga ngày 28 tháng 10 năm 1972

2078 Liệt sĩ: **HOÀNG MINH THẢO**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hoà, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 5 năm 1968
Số bằng: CR 986 bm Quyết định số: 454/TTga ngày 4 tháng 11 năm 1972

- 2079 Liệt sĩ: **LÊ VĂN DUNG**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Tâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 12 năm 1968
 Số bằng: TY 739 bm Quyết định số: 230/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977
- 2080 Liệt sĩ: **LÊ MẠNH HÙNG**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Tâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 9 năm 1972
 Số bằng: LS 830 bm Quyết định số: 268/TTga ngày 28 tháng 5 năm 1974
- 2081 Liệt sĩ: **TRỊNH QUY VÂN**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Tâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 24 tháng 2 năm 1979
 Số bằng: 9N 492 bt Quyết định số: 221/TTga ngày 19 tháng 3 năm 1980
- 2082 Liệt sĩ: **TRỊNH VĂN SỬ**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Tâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 17 tháng 12 năm 1978
 Số bằng: BB 396 bt Quyết định số: 103/CTKT ngày 4 tháng 6 năm 1986
- 2083 Liệt sĩ: **ĐÀM VĂN ĐA**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Tâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 2 năm 1968
 Số bằng: UP 340 bm Quyết định số: 175/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977
- 2084 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU THANG**
 Tham mưu phó trung đoàn Quân đội Nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Tâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 4 năm 1975
 Số bằng: RB 899 bm Quyết định số: 208/TTga ngày 28 tháng 5 năm 1976
- 2085 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CHỈNH**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Tâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 2 năm 1968
 Số bằng: BA 340 bm Quyết định số: 249/TTga ngày 15 tháng 10 năm 1971
- 2086 Liệt sĩ: **BÙI XUÂN ẸN**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Tâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 2 năm 1973
 Số bằng: OK 753 bm Quyết định số: 19/TTga ngày 18 tháng 1 năm 1975
- 2087 Liệt sĩ: **TRỊNH VĂN SỬU**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Tâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 1 năm 1970
 Số bằng: KL 531 bm Quyết định số: 568/TTga ngày 14 tháng 12 năm 1973
- 2088 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KHIẾN**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Tâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 1 năm 1965

Số bằng: MZ 791 bm Quyết định số: 38/TTga ngày 11 tháng 2 năm 1971

2089 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN CHỨC**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Tâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 10 năm 1972

Số bằng: HT 487 bm Quyết định số: 453/TTga ngày 20 tháng 10 năm 1973

2090 Liệt sĩ: **TRINH VĂN THÔN**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Tâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 5 năm 1968

Số bằng: YG 097 bm Quyết định số: 368/TTga ngày 27 tháng 4 năm 1977

2091 Liệt sĩ: **TRINH VĂN NGUYÊN**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Tâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 4 năm 1970

Số bằng: 5G 033 bm Quyết định số: 425/TTga ngày 4 tháng 5 năm 1978

2092 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NGỰ**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Tâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 2 năm 1969

Số bằng: UA 922 bm Quyết định số: 222/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

2093 Liệt sĩ: **TRINH VĂN KHƯƠNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Tâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 4 năm 1968

Số bằng: MĐ 945 bm Quyết định số: 109/TTga ngày 7 tháng 5 năm 1970

2094 Liệt sĩ: **ĐỖ CÔNG THUỘC**

Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Tâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 10 năm 1972

Số bằng: LS 925 bm Quyết định số: 275/TTga ngày 29 tháng 5 năm 1974

2095 Liệt sĩ: **LÊ BÁ TỰA**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Tâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 9 năm 1968

Số bằng: MA 674 bm Quyết định số: 50/TTga ngày 3 tháng 3 năm 1970

2096 Liệt sĩ: **CÁP VĂN ĐỨC**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Tâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 12 năm 1968

Số bằng: EA 044 bm Quyết định số: 68/TTga ngày 27 tháng 2 năm 1973

2097 Liệt sĩ: **ĐỖ XUÂN CỘI**

Chính trị viên Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Tiến, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 22 tháng 6 năm 1974

Số bằng: QT 594 bm Quyết định số: 221/TTga ngày 5 tháng 6 năm 1976

2098 Liệt sĩ: **BÙI VĂN ĐÓN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Tiến, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh

Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 11 tháng 3 năm 1954
Số bằng: EZ 343 bp Quyết định số: 135/TTga ngày 7 tháng 1 năm 1963

2099 Liệt sĩ: **MAI VĂN LOM**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Tiến, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 13 tháng 3 năm 1954
Số bằng: ZQ 4,261 bt Quyết định số: 424/TTg ngày 12 tháng 1 năm 1959

2100 Liệt sĩ: **MAI ĐỨC GIẬT**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Tiến, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 3 năm 1966
Số bằng: IZ 353 bm Quyết định số: 166/TTga ngày 23 tháng 11 năm 1966

2101 Liệt sĩ: **MAI NGỌC HUÊ**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Tiến, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 11 năm 1968
Số bằng: UO 591 bm Quyết định số: 240/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

2102 Liệt sĩ: **MAI HỮU CƠ**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Tiến, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 1 năm 1972
Số bằng: OP 326 bm Quyết định số: 20/TTga ngày 18 tháng 1 năm 1975

2103 Liệt sĩ: **MAI VĂN NẶNG**

Trợ lý quân nhu tiểu đoàn Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Tân, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 1 năm 1969

Số bằng: ĐR 434 bm Quyết định số: 13/TTga ngày 20 tháng 1 năm 1973

2104 Liệt sĩ: **MAI VĂN NGÃI**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Tiến, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 9 năm 1967
Số bằng: AG 698 bm Quyết định số: 67/TTga ngày 11 tháng 3 năm 1971

2105 Liệt sĩ: **MAI NGỌC QUA**

Liên Lạc viên, Nguyên quán: xã Hà Tiến, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 10 năm 1966
Số bằng: AM 976 bm Quyết định số: 108/TTga ngày 22 tháng 6 năm 1967

2106 Liệt sĩ: **MAI DUY HUÂN**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Tiến, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1970
Số bằng: HA 019 bm Quyết định số: 415/TTga ngày 26 tháng 9 năm 1973

2107 Liệt sĩ: **MAI VĂN PHÁT**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Ninh, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 5 năm 1971
Số bằng: EK 793 bm Quyết định số: 177/TTga ngày 11 tháng 5 năm 1973

- 2108 Liệt sĩ: **VŨ TIỀN THÔNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Tiến, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 7 năm 1968
Số bằng: MP 906 bm Quyết định số: 233/TTga ngày 28 tháng 9 năm 1970
- 2109 Liệt sĩ: **TỔNG DUY LIỆC**
Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Tiến, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 12 năm 1969
Số bằng: BF 123 bm Quyết định số: 280/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1971
- 2110 Liệt sĩ: **TỔNG VĂN TRƯỜNG**
Tự vệ, Nguyên quán: xã Hà Tiến, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 8 năm 1945
Số bằng: ZA 962 kp Quyết định số: 283/TTg ngày 6 tháng 6 năm 1958
- 2111 Liệt sĩ: **BÙI HỒNG HUỆ**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Tiến, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 7 tháng 11 năm 1978
Số bằng: 8X 607 bt Quyết định số: 740/TTga ngày 27 tháng 10 năm 1979
- 2112 Liệt sĩ: **MAI HỒNG QUẢNG**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Tiến, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 6 năm 1972
Số bằng: UH 510 bm Quyết định số: 117/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977
- 2113 Liệt sĩ: **BÙI VĂN LIÊN**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Tiến, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 11 năm 1965
Số bằng: BG 193 bm Quyết định số: 13/TTga ngày 6 tháng 1 năm 1972
- 2114 Liệt sĩ: **BÙI QUỐC CỰ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Tiến, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 7 năm 1968
Số bằng: HA 290 bm Quyết định số: 472/TTga ngày 1 tháng 11 năm 1973
- 2115 Liệt sĩ: **TRỊNH MINH KHẢ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Khánh, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 10 năm 1970
Số bằng: 7L 967 bm Quyết định số: 28/TTga ngày 8 tháng 1 năm 1979
- 2116 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TUẤN**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Ninh, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 12 năm 1971
Số bằng: TI 239 bm Quyết định số: 588/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1976
- 2117 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THI**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hà Thái, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 6 năm 1966
Số bằng: IZ 416 bm Quyết định số: 166/TTga ngày 23 tháng 11 năm 1966

- 2118 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN BÓN**
 Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 5 năm 1974
 Số bằng: UG 972 bm Quyết định số: 239/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977
- 2119 Liệt sĩ: **LƯƠNG NHƯ TÁNH**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 7 năm 1969
 Số bằng: TI 325 bm Quyết định số: 588/TTga ngày 31 tháng 12 năm 1976
- 2120 Liệt sĩ: **TRỊNH ĐÌNH PHẠNG**
 Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 2 năm 1969
 Số bằng: UA 641 bm Quyết định số: 162/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977
- 2121 Liệt sĩ: **LÊ THÀNH NGỌC**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 5 năm 1970
 Số bằng: CY 507 bm Quyết định số: 438/TTga ngày 20 tháng 10 năm 1972
- 2122 Liệt sĩ: **PHẠM XUÂN KỲ**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 6 năm 1969
 Số bằng: ĐK 201 bm Quyết định số: 444/TTga ngày 25 tháng 10 năm 1972
- 2123 Liệt sĩ: **LÊ BÁ HẢI**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Hải, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 27 tháng 10 năm 1972
 Số bằng: GX 288 bm Quyết định số: 433/TTga ngày 4 tháng 10 năm 1973
- 2124 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG THÀNH**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Thọ, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 8 năm 1968
 Số bằng: MK 206 bm Quyết định số: 134/TTga ngày 8 tháng 6 năm 1970
- 2125 Liệt sĩ: **TRƯƠNG HÁN LƯƠNG**
 Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: khu phố 5, thị xã Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 27 tháng 2 năm 1952
 Số bằng: ZU 857 bp Quyết định số: 187/TTg ngày 31 tháng 8 năm 1960
- 2126 Liệt sĩ: **MAI QUÍ ƯỚC**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Thành, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 3 năm 1966
 Số bằng: UP 325 bm Quyết định số: 171/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977
- 2127 Liệt sĩ: **MAI XUÂN NHẪM**
 Trợ lý binh vận trung đoàn Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Bạch, huyện Nga

Son, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 15 năm 1969

Số bằng: LD 738 bm Quyết định số: 141/TTGa ngày 4 tháng 4 năm 1974

2128 Liệt sĩ: **MAI KHẮC BÀN**

Công nhân cục vận tải đường bộ, Bộ giao thông vận tải, Nguyên quán: xã Nga Yên, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 11 năm 1970

Số bằng: MM 559 cm Quyết định số: 72/TTGa ngày 27 tháng 2 năm 1975

2129 Liệt sĩ: **ĐỖ XUÂN NINH**

Cán bộ huyện Nga Sơn, Nguyên quán: xã Nga Điền, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 18 tháng 4 năm 1947

Số bằng: ZA 482 cp Quyết định số: 176/TTg ngày 5 tháng 1 năm 1959

2130 Liệt sĩ: **MAI XUÂN THÀNH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Yên, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 2 năm 1973

Số bằng: OE 990 bm Quyết định số: 23/TTGa ngày 21 tháng 1 năm 1975

2131 Liệt sĩ: **NGUYỄN MINH CHÂU**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Liên, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 2 năm 1971

Số bằng: EQ 144 bm Quyết định số: 154/TTGa ngày 19 tháng 4 năm 1973

2132 Liệt sĩ: **NGUYỄN CÔNG KHANH**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Liên, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 30 tháng 1 năm 1979

Số bằng: 8X 627 bt Quyết định số: 740/TTGa ngày 27 tháng 10 năm 1979

2133 Liệt sĩ: **PHẠM TRÍ UT**

Trung úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Yên, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 29 tháng 11 năm 1978

Số bằng: 5N 266 ct Quyết định số: 302/TTGa ngày 9 tháng 7 năm 1981

2134 Liệt sĩ: **MAI VĂN TÀI**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Điền, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 2 năm 1968

Số bằng: AG 245 bm Quyết định số: 59/TTGa ngày 8 tháng 3 năm 1971

2135 Liệt sĩ: **ĐÀO HỒNG QUÂN**

Chính trị viên phó Đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Tân, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 1 năm 1973

Số bằng: OK 659 bm Quyết định số: 19/TTGa ngày 18 tháng 1 năm 1975

2136 Liệt sĩ: **ĐÀO HỒNG DÂN**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Tân, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 11 năm 1970

Số bằng: HI 973 bm Quyết định số: 574/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1973

2137 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN CHÍNH**

Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Hưng, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 3 tháng 12 năm 1978

Số bằng: 9M 702 bt Quyết định số: 220/TTga ngày 19 tháng 3 năm 1980

2138 Liệt sĩ: **HOÀNG NGỌC ĐỊNH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Bạch, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 23 tháng 3 năm 1969

Số bằng: EH 973 bm Quyết định số: 132/TTga ngày 12 tháng 4 năm 1973

2139 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN BÌNH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Trung, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 2 tháng 11 năm 1978

Số bằng: 8X 505 bt Quyết định số: 744/TTga ngày 27 tháng 10 năm 1979

2140 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN KHIÊM**

Dân công, Nguyên quán: xã Thiệu Thịnh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 9 năm 1971

Số bằng: KM 784 cm Quyết định số: 261/TTga ngày 23 tháng 6 năm 1973

2141 Liệt sĩ: **MAI VĂN THUẬN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Nhân, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 4 năm 1966

Số bằng: AM 017 bm Quyết định số: 15/TTga ngày 19 tháng 1 năm 1967

2142 Liệt sĩ: **MAI NGỌC CHẾ**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Trung, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 5 năm 1970

Số bằng: KO 352 bm Quyết định số: 197/TTga ngày 25 tháng 4 năm 1974

2143 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN HÀ**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Thủy, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 6 tháng 10 năm 1972

Số bằng: RA 694 bm Quyết định số: 175/TTga ngày 8 tháng 5 năm 1976

2144 Liệt sĩ: **TRẦN CHIẾN HỮU**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Thủy, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 10 năm 1968

Số bằng: SM 097 bm Quyết định số: 194/TTga ngày 14 tháng 11 năm 1969

2145 Liệt sĩ: **TRẦN CAO ĐA**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Thủy, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 6 năm 1967

Số bằng: CM 177 bm Quyết định số: 035/TTga ngày 3 tháng 1 năm 1968

2146 Liệt sĩ: **LẠI ĐÌNH CHÂM**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Vinh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá,

đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 1 năm 1967
Số bằng: AP 261 bm Quyết định số: 159/TTga ngày 5 tháng 7 năm 1971

2147 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN THẮT**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Thủy, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 4 năm 1966
Số bằng: UO 036 bm Quyết định số: 191/TTga ngày 28 tháng 3 năm 1977

2148 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHUẬN**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Thủy, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 14 tháng 1 năm 1979
Số bằng: 8X 697 bt Quyết định số: 740/TTga ngày 27 tháng 10 năm 1979

2149 Liệt sĩ: **BÙI VĂN THẢO**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 9 năm 1967
Số bằng: BG 117 bm Quyết định số: 281/TTga ngày 30 tháng 11 năm 1971

2150 Liệt sĩ: **BÙI VĂN ĐỒNG**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 23 tháng 5 năm 1981
Số bằng: S 841 bt Quyết định số: 397/CTKT ngày 9 tháng 11 năm 1983

2151 Liệt sĩ: **BÙI HUY ĐẠO**

Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 22 tháng 11 năm 1985
Số bằng: BK 736 bt Quyết định số: 108/CTKT ngày 6 tháng 1 năm 1987

2152 Liệt sĩ: **BÙI NGỌC TÍNH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 10 năm 1972
Số bằng: HI 878 bm Quyết định số: 10/TTga ngày 4 tháng 1 năm 1974

2153 Liệt sĩ: **BÙI VĂN THƯƠNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 6 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 9S 013 bt Quyết định số: 494/TTga ngày 18 tháng 7 năm 1980

2154 Liệt sĩ: **BÙI VĂN DÂN**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 12 tháng 1 năm 1979
Số bằng: BB 365 bt Quyết định số: 103/CTKT ngày 4/ tháng 6/ năm 1986

2155 Liệt sĩ: **BÙI NGỌC HIỀN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 1 năm 1973
Số bằng: UL 730 bm Quyết định số: 228/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

2156 Liệt sĩ: **BÙI VĂN KHANH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 4 năm 1975
Số bằng: UL 497 bm Quyết định số: 206/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

2157 Liệt sĩ: **BÙI NHƯ KHOÁT**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 5 năm 1975
Số bằng: UQ 357 bm Quyết định số: 194/TTga ngày 28 tháng 3 năm 1977

2158 Liệt sĩ: **BÙI QUANG THIỆP**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 16 tháng 7 năm 1980
Số bằng: 7AA 380 bt Quyết định số: 77/CTKT ngày 4 tháng 11 năm 1981

2159 Liệt sĩ: **BÙI XUÂN NHƯỜNG**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 3 năm 1970
Số bằng: UR 077 bm Quyết định số: 204/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1977

2160 Liệt sĩ: **BÙI MẠNH BÔNG**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 9 năm 1969
Số bằng: GX 652 bm Quyết định số: 486/TTga ngày 8 tháng 11 năm 1973

2161 Liệt sĩ: **BÙI VĂN DAO**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 2 tháng 9 năm 1978
Số bằng: 9M 729 bt Quyết định số: 220/TTga ngày 19 tháng 3 năm 1980

2162 Liệt sĩ: **BÙI VĂN DUNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 1 tháng 5 năm 1978
Số bằng: 8B 062 bt Quyết định số: 246/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1979

2163 Liệt sĩ: **BÙI VĂN BÀI**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 2 năm 1970
Số bằng: OP 286 bm Quyết định số: 20/TTga ngày 18 tháng 1 năm 1975

2164 Liệt sĩ: **BÙI QUÝ NHÂN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 9 năm 1973
Số bằng: OV 909 bm Quyết định số: 165/TTga ngày 9 tháng 5 năm 1975

2165 Liệt sĩ: **BÙI KHẮC NGUYỆT**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 12 tháng 11 năm 1969
Số bằng: BK 319 bm Quyết định số: 37/TTga ngày 27 tháng 1 năm 1972

- 2166 Liệt sĩ: **BÙI VĂN THÌA**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 8 năm 1971
 Số bằng: UO 119 bm Quyết định số: 191/TTga ngày 28 tháng 3 năm 1977
- 2167 Liệt sĩ: **BÙI VĂN ĐẠT**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 3 năm 1971
 Số bằng: UP 436 bm Quyết định số: 175/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977
- 2168 Liệt sĩ: **BÙI MINH YÊN**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 12 năm 1968
 Số bằng: ĐT 580 bm Quyết định số: 112/TTga ngày 29 tháng 3 năm 1973
- 2169 Liệt sĩ: **QUÁCH VĂN ĐẠI**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 4 năm 1972
 Số bằng: GX 168 bm Quyết định số: 435/TTga ngày 9 tháng 10 năm 1973
- 2170 Liệt sĩ: **TRƯƠNG ĐÌNH HÙNG**
 Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 0 tháng 11 năm 1949
 Số bằng: ZQ 3,124 bp Quyết định số: 287/TTg ngày 8 tháng 1 năm 1959
- 2171 Liệt sĩ: **TRƯƠNG BỘ LÍNH**
 Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 22 tháng 1 năm 1952
 Số bằng: CB 740 bp Quyết định số: 210/CTKT ngày 28 tháng 9 năm 1988
- 2172 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN HỒNG**
 Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 4 năm 1974
 Số bằng: TY 965 bm Quyết định số: 203/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977
- 2173 Liệt sĩ: **TRƯƠNG ĐÌNH NHIỀU**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 3 năm 1970
 Số bằng: BP 070 bm Quyết định số: 54/TTga ngày 9 tháng 2 năm 1972
- 2174 Liệt sĩ: **TRƯƠNG KIM TRỌNG**
 Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1969
 Số bằng: UK 638 bm Quyết định số: 110/TTga ngày 1 tháng 3 năm 1977
- 2175 Liệt sĩ: **TRƯƠNG CÔNG BÔI**
 Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 2 năm 1969

Số bằng: UG 965 bm Quyết định số: 239/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977

2176 Liệt sĩ: **TRƯƠNG NGỌC LIỄN**

Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 5 năm 1974

Số bằng: QR 917 bm Quyết định số: 122/TTga ngày 10 tháng 4 năm 1976

2177 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN BẢO**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 4 năm 1969

Số bằng: CP 578 bm Quyết định số: 297/TTga ngày 22 tháng 7 năm 1972

2178 Liệt sĩ: **TRƯƠNG CÔNG NHO**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 5 năm 1967

Số bằng: AG 691 bm Quyết định số: 67/TTga ngày 11 tháng 3 năm 1971

2179 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN RUN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 25 tháng 12 năm 1967

Số bằng: UA 610 bm Quyết định số: 162/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

2180 Liệt sĩ: **TRƯƠNG CÔNG PHÚ**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 5 năm 1968

Số bằng: EP 813 bm Quyết định số: 188/TTga ngày 19 tháng 5 năm 1973

2181 Liệt sĩ: **TRƯƠNG NGỌC TRAI**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 10 năm 1971

Số bằng: UK 583 bm Quyết định số: 110/TTga ngày 1 tháng 3 năm 1977

2182 Liệt sĩ: **QUÁCH VĂN KHOÁNG**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 11 năm 1965

Số bằng: BL 539 bm Quyết định số: 28/TTga ngày 25 tháng 1 năm 1972

2183 Liệt sĩ: **QUÁCH VĂN PHẨM**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 3 năm 1970

Số bằng: PH 700 bm Quyết định số: 282/TTga ngày 22 tháng 7 năm 1975

2184 Liệt sĩ: **QUÁCH VĂN PHI**

Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 12 năm 1968

Số bằng: MA 720 bm Quyết định số: 50/TTga ngày 3 tháng 3 năm 1970

2185 Liệt sĩ: **QUÁCH VĂN ÂT**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh

- Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 11 năm 1972
Số bằng: RH 308 bm Quyết định số: 273/TTga ngày 30 tháng 6 năm 1976
- 2186 Liệt sĩ: **PHẠM BÁ LỢI**
Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Bình, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 18 tháng 8 năm 1972
Số bằng: LA 691 bm Quyết định số: 237/TTga ngày 14 tháng 5 năm 1974
- 2187 Liệt sĩ: **PHẠM CHÍ THẮNG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 10 năm 1973
Số bằng: YG 021 bm Quyết định số: 368/TTga ngày 27 tháng 4 năm 1977
- 2188 Liệt sĩ: **PHẠM TIẾN DŨNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 20 tháng 3 năm 1979
Số bằng: 9R 450 bt Quyết định số: 515/TTga ngày 25 tháng 7 năm 1980
- 2189 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN TRẮNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 28 tháng 4 năm 1980
Số bằng: 7AA 361 bt Quyết định số: 77/CTKT ngày 4 tháng 11 năm 1981
- 2190 Liệt sĩ: **PHẠM ĐƯƠNG**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 9 năm 1971
Số bằng: KV 559 bm Quyết định số: 147/TTga ngày 9 tháng 4 năm 1974
- 2191 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN ĐƠ**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 29 tháng 6 năm 1971
Số bằng: LS 588 bm Quyết định số: 264/TTga ngày 25 tháng 5 năm 1974
- 2192 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN MINH**
Trung đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 25 tháng 12 năm 1978
Số bằng: 9N 087 bt Quyết định số: 249/TTga ngày 7 tháng 4 năm 1980
- 2193 Liệt sĩ: **PHẠM VĂN LUẬN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 21 tháng 3 năm 1979
Số bằng: BK 730 bt Quyết định số: 108/CTKT ngày 6 tháng 1 năm 1987
- 2194 Liệt sĩ: **PHẠM XUÂN HIẾU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 10 năm 1972
Số bằng: GX 309 bm Quyết định số: 433/TTga ngày 4 tháng 10 năm 1973
- 2195 Liệt sĩ: **PHẠM NGỌC KHUYẾN**

Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 5 tháng 10 năm 1977
Số bằng: 5S 416 bt Quyết định số: 1032/TTga ngày 11 tháng 9 năm 1978

2196 Liệt sĩ: **PHẠM HỮU KHUYNH**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 6 năm 1972
Số bằng: LA 563 bm Quyết định số: 237/TTga ngày 14 tháng 5 năm 1974

2197 Liệt sĩ: **QUÁCH NGỌC KHUÊ**

Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 7 tháng 2 năm 1989
Số bằng: CL 545 bt Quyết định số: 197/CTKT ngày 25 tháng 10 năm 1990

2198 Liệt sĩ: **QUÁCH HỒNG THÁI**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 4 tháng 2 năm 1973
Số bằng: KL 579 bm Quyết định số: 568/TTga ngày 14 tháng 12 năm 1973

2199 Liệt sĩ: **QUÁCH HỒNG HẢI**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 1 năm 1969
Số bằng: QT 686 bm Quyết định số: 221/TTga ngày 5 tháng 6 năm 1976

2200 Liệt sĩ: **QUÁCH PHI HỒ**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 10 năm 1972
Số bằng: YA 272 bm Quyết định số: 383/TTga ngày 2 tháng 5 năm 1977

2201 Liệt sĩ: **QUÁCH BÁ SINH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 1 năm 1965
Số bằng: HZ 218 bm Quyết định số: 91/TTga ngày 3 tháng 6 năm 1965

2202 Liệt sĩ: **TRẦN VĂN CỪ**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 1 tháng 2 năm 1978
Số bằng: BK 712 bt Quyết định số: 108/CTKT ngày 3 tháng 6 năm 1987

2203 Liệt sĩ: **TRẦN SĨ PHÁN**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 10 năm 1972
Số bằng: UA 638 bm Quyết định số: 162/TTga ngày 22 tháng 3 năm 1977

2204 Liệt sĩ: **QUÁCH VĂN SẮC**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 21 tháng 2 năm 1978
Số bằng: 7L 275 bt Quyết định số: 1505/TTga ngày 29 tháng 12 năm 1978

- 2205 Liệt sĩ: **PHẠM XUÂN KHAI**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 4 tháng 1 năm 1979
Số bằng: A 139 bt Quyết định số: 252/CTKT ngày 8 tháng 9 năm 1982
- 2206 Liệt sĩ: **PHẠM NGỌC CHÚC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 8 năm 1971
Số bằng: CQ 348 bm Quyết định số: 323/TTga ngày 8 tháng 8 năm 1972
- 2207 Liệt sĩ: **NGUYỄN XUÂN LĂNG**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 5 năm 1972
Số bằng: LS 652 bm Quyết định số: 272/TTga ngày 28 tháng 5 năm 1974
- 2208 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH NHÂN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 1 năm 1973
Số bằng: HR 426 bm Quyết định số: 457/TTga ngày 24 tháng 10 năm 1973
- 2209 Liệt sĩ: **BÙI VĂN LỘC**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Vân, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 4 năm 1972
Số bằng: ON 965 bm Quyết định số: 65/TTga ngày 21 tháng 2 năm 1975
- 2210 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRỌNG TÝ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 0 tháng 1 năm 1978
Số bằng: 7L 294 bt Quyết định số: 1505/TTga ngày 29 tháng 12 năm 1978
- 2211 Liệt sĩ: **ĐỖ CÔNG CƯ**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Ninh, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 31 tháng 7 năm 1969
Số bằng: AĐ 548 bm Quyết định số: 41/TTga ngày 19 tháng 2 năm 1971
- 2212 Liệt sĩ: **LÊ SỸ NGHIÊN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: Yên Lạc, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 5 năm 1968
Số bằng: MZ 803 bm Quyết định số: 38/TTga ngày 11 tháng 2 năm 1971
- 2213 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN BẢN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hải Châu, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 30 tháng 11 năm 1952
Số bằng: ZQ 736 bp Quyết định số: 176/TTg ngày 4 tháng 5 năm 1959
- 2214 Liệt sĩ: **LÊ VĂN BÁ**
Đại đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Triều Dương, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 0 tháng 5 năm 1967
Số bằng: ĐB 129 bt Quyết định số: 550/TTg ngày 13 tháng 8 năm 1996

- 2215 Liệt sĩ: **NGUYỄN TIẾN DŨNG**
Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Phổ An, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 14 tháng 11 năm 1962
Số bằng: SV 637 bm Quyết định số: 519/TTga ngày 17 tháng 11 năm 1976
- 2216 Liệt sĩ: **LÊ VĂN SAN**
Trung sĩ công An nhân dân vũ trang, Nguyên quán: xã Hải Nhân, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 6 năm 1972
Số bằng: QR 674 bm Quyết định số: 90/TTga ngày 19 tháng 3 năm 1976
- 2217 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN TIỆM**
Dân công, Nguyên quán: xã Thiệu Vũ, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 9 tháng 1 năm 1973
Số bằng: LA 214 cm Quyết định số: 481/TTga ngày 6 tháng 11 năm 1973
- 2218 Liệt sĩ: **DƯƠNG NGỌC HOÀ**
Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Dương, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 4 năm 1968
Số bằng: MĐ 872 bm Quyết định số: 109/TTga ngày 7 tháng 5 năm 1970
- 2219 Liệt sĩ: **LÊ VĂN HOÈ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hải, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 17 tháng 1 năm 1978
Số bằng: 5S 397 bt Quyết định số: 1008/TTga ngày 4 tháng 9 năm 1978
- 2220 Liệt sĩ: **TRỊNH THỊ THỊNH**
Công nhân ty Giao thông vận tải tỉnh thanh hoá, Nguyên quán: xã Định Tường, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 24 tháng 6 năm 1967
Số bằng: HM 438 cm Quyết định số: 270/TTga ngày 18 tháng 11 năm 1971
- 2221 Liệt sĩ: **PHÙNG VĂN THIỀU**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Tâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 9 tháng 8 năm 1952
Số bằng: ZL 350 bp Quyết định số: 283/TTg ngày 6 tháng 1 năm 1958
- 2222 Liệt sĩ: **BÙI VĂN LINH**
Tiểu đội trưởng tự vệ xã, Nguyên quán: xã Yên Tâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 12 tháng 2 năm 1945
Số bằng: ZC 989 kp Quyết định số: 327/TTga ngày 19 tháng 12 năm 1962
- 2223 Liệt sĩ: **NGUYỄN TRUNG THỰC**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Tâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 2 năm 1968
Số bằng: OS 844 bm Quyết định số: 148/TTga ngày 24 tháng 4 năm 1975
- 2224 Liệt sĩ: **ĐÀO XUÂN THẮNG**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Định Hải, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 8 năm 1966

Số bằng: AM 996 bm Quyết định số: 108/TTg ngày 6 tháng 2 năm 1967

- 2225 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN MẬT**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga An, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 10 tháng 7 năm 1945
Số bằng: ZR 025 bp Quyết định số: 02/TTg ngày 1 tháng 1 năm 1960
- 2226 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN LỄ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Thanh, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 0 tháng 3 năm 1950
Số bằng: ZR 019 bp Quyết định số: 02/TTg ngày 1 tháng 1 năm 1960
- 2227 Liệt sĩ: **HOÀNG VĂN THIỆU**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Ba Đình, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 15 tháng 1 năm 1974
Số bằng: UO 060 bm Quyết định số: 191/TTga ngày 28 tháng 3 năm 1977
- 2228 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN HY**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Yên Tâm, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 16 tháng 3 năm 1954
Số bằng: YZ 320 bp Quyết định số: 1191/TTg ngày 12 tháng 22 năm 1956
- 2229 Liệt sĩ: **ĐẶNG VĂN TỬ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nga Thuỷ, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 15 tháng 9 năm 1945
Số bằng: ZR 084 bp Quyết định số: 02/TTg ngày 1 tháng 1 năm 1960
- 2230 Liệt sĩ: **BÙI TRỌNG PHÓ**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 19 tháng 4 năm 1954
Số bằng: ZQ 3,139 bp Quyết định số: 287/TTg ngày 1 tháng 8 năm 1959
- 2231 Liệt sĩ: **QUÁCH BÁ SẴN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Phong, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày tháng năm 1955
Số bằng: ZT 864 bm Quyết định số: 125/TTg ngày 7 tháng 6 năm 1960
- 2232 Liệt sĩ: **TRƯƠNG VĂN LUẬT**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Cẩm Long, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 8 tháng 7 năm 1967
Số bằng: IM 253 bm Quyết định số: 179/TTga ngày 1 tháng 10 năm 1968
- 2233 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LƯU**
Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Hưng, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hoá, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 19 tháng 1 năm 1973
Số bằng: OK 650 bm Quyết định số: 19/TTga ngày 18 tháng 1 năm 1975
- 2234 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN LÀNH**
Dân quân du kích, Nguyên quán: xã Hoằng Anh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh

trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 17 tháng 11 năm 1967

Số bằng: AM 988 km Quyết định số: 169/TTGa ngày 8 tháng 6 năm 1970

2235 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU TÀI**

Chuẩn úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Anh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 20 tháng 1 năm 1968

Số bằng: MB 349 bm Quyết định số: 49/TTGa ngày 3 tháng 3 năm 1970

2236 Liệt sĩ: **NGUYỄN THANH VÂN**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Anh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 19 tháng 12 năm 1977

Số bằng: 8B 538 bt Quyết định số: 256/TTGa ngày 13 tháng 4 năm 1979

2237 Liệt sĩ: **NGUYỄN THỊ KIM**

Thanh niên xung phong, Nguyên quán: xã Hoằng Anh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 10 năm 1972

Số bằng: DS 621 cm Quyết định số: 320/TTGa ngày 26 tháng 5 năm 1995

2238 Liệt sĩ: **LÊ VĂN THÁI**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Anh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 6 năm 1966

Số bằng: SE 748 bm Quyết định số: 516/TTGa ngày 17 tháng 11 năm 1976

2239 Liệt sĩ: **NGUYỄN HỮU QUYNH**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Anh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 4 năm 1967

Số bằng: MH 616 bm Quyết định số: 117/TTGa ngày 29 tháng 3 năm 1977

2240 Liệt sĩ: **LÊ DUY ĐĂNG**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Hoằng Anh, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 6 năm 1969

Số bằng: UP 397 bm Quyết định số: 175/TTGa ngày 22 tháng 3 năm 1977

2241 Liệt sĩ: **LÊ TRỌNG THỦY**

Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: khu Ba Đình, thị xã Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 3 tháng 3 năm 1974

Số bằng: RT 677 bm Quyết định số: 267/TTGa ngày 25 tháng 6 năm 1976

2242 Liệt sĩ: **ĐỖ XUÂN CỪU**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Quý, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 5 tháng 6 năm 1972

Số bằng: OR 785 Quyết định số: 106/TTGa ngày 26 tháng 3 năm 1975

2243 Liệt sĩ: **NGUYỄN NHƯ CHÂM**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Lĩnh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 10 tháng 5 năm 1970

Số bằng: KL 325 bm Quyết định số: 549/TTGa ngày 10 tháng 12 năm 1973

2244 Liệt sĩ: **DOÃN HUY VÂN**

Tiểu đội trưởng Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Thịnh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 29 tháng 9 năm 1947

Số bằng: QP 663 bp Quyết định số: 121/TTGa ngày 10 tháng 4 năm 1976

2245 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN CÔI**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Đông Nam, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 4 tháng 5 năm 1954
Số bằng: ZQ 495 bp Quyết định số: 02/TTGa ngày 2 tháng 1 năm 1960

2246 Liệt sĩ: **LÊ VĂN KHANH**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Thiệu Hưng, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 21 tháng 7 năm 1967
Số bằng: LM 895

2247 Liệt sĩ: **LÊ XUÂN KHANG**

Trung đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Tế Thắng, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 26 tháng 5 năm 1968
Số bằng: GR 936 bm Quyết định số: 519/TTGa ngày 29 tháng 11 năm 1973

2248 Liệt sĩ: **HÀ ĐÌNH NGOẠN**

Hạ sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Lai, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 7 tháng 7 năm 1967
Số bằng: UA 883 bm Quyết định số: 191/TTGa ngày 28 tháng 3 năm 1977

2249 Liệt sĩ: **NGUYỄN ĐÌNH ĐỨC**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Lai, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 2 tháng 3 năm 1970
Số bằng: OT 550 bm Quyết định số: 105/TTGa ngày 26 tháng 3 năm 1975

2250 Liệt sĩ: **HÀ ĐÌNH LÂM**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Lai, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 6 năm 1952
Số bằng: XC 987 bp Quyết định số: 134/TTGa ngày 3 tháng 3 năm 1958

2251 Liệt sĩ: **PHẠM DUY THÀNH**

Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Nam Giang, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 16 tháng 1 năm 1975
Số bằng: YG 027 bm Quyết định số: 368/TTGa ngày 27 tháng 4 năm 1977

2252 Liệt sĩ: **LÊ NGỌC NHUNG**

Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Khánh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước năm 1969
Số bằng: GL 956 bm Quyết định số: 837/TTGa ngày 23 tháng 07 năm 2004

2253 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NA**

Trung sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyên quán: xã Xuân Khánh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 8 năm 1969
Số bằng: 9Y 118 bm Quyết định số: 706/TTGa ngày 12 tháng 11 năm 1980

- 2254 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NÉT**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyễn quán: xã Xuân Khánh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 4 năm 1972
Số bằng: UO 483 bm Quyết định số: 240/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977
- 2255 Liệt sĩ: **HOÀNG ĐÌNH NAM**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyễn quán: xã Xuân Khánh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 11 tháng 3 năm 1974
Số bằng: UO 501 bm Quyết định số: 240/TTga ngày 1 tháng 4 năm 1977
- 2256 Liệt sĩ: **LÊ NGỌC CHIẾN**
Thượng sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyễn quán: xã Xuân Khánh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 1 tháng 8 năm 1971
Số bằng: SN 587 bm Quyết định số: 521/TTga ngày 17 tháng 11 năm 1976
- 2257 Liệt sĩ: **LÝ CÔNG KHIẾN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyễn quán: xã Xuân Khánh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 29 tháng 6 năm 1954
Số bằng: ZR 533 bp Quyết định số: 02/TTga ngày 2 tháng 1 năm 1960
- 2258 Liệt sĩ: **LÊ NGỌC ĐỨC**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyễn quán: xã Xuân Khánh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 1 tháng 12 năm 1978
Số bằng: 8O 505 bt Quyết định số: 509/TTga ngày 9 tháng 7 năm 1979
- 2259 Liệt sĩ: **NGUYỄN VIỆT KHÁI**
Đại đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyễn quán: xã Xuân Yên, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 30 tháng 1 năm 1973
Số bằng: LH 110 bm Quyết định số: 104/TTga ngày 14 tháng 3 năm 1974
- 2260 Liệt sĩ: **TRỊNH ĐÌNH THÍCH**
Tiểu đội phó Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyễn quán: xã Xuân Yên, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 13 tháng 5 năm 1970
Số bằng: KS 900 bm Quyết định số: 168/TTga ngày 16 tháng 4 năm 1974
- 2261 Liệt sĩ: **DOÃN HUY SON**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyễn quán: xã Xuân Khánh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, ngày 28 tháng 2 năm 1969
Số bằng: BE 216 bm Quyết định số: 265/TTga ngày 11 tháng 11 năm 1971
- 2262 Liệt sĩ: **NGUYỄN VĂN NHÀN**
Chiến sĩ Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyễn quán: xã Xuân Khánh, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, ngày 6 tháng 5 năm 1954
Số bằng: ZL 456 bp Quyết định số: 283/TTga ngày 6 tháng 6 năm 1958
- 2263 Liệt sĩ: **PHAN VĂN HIỀN**
Thiếu úy Quân đội nhân dân Việt Nam, Nguyễn quán: xã Thiệu Long, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, đã hy sinh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, ngày 17 tháng 2 năm 1979
Số bằng: 9AA 441 bt Quyết định số: 113/TTga ngày 18 tháng 5 năm 1982

